

# THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY

## ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

### TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CÔNG TY CỔ PHẦN

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301429113, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/07/2010 và thay đổi lần thứ 5 ngày 01/11/2016)



#### TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CÔNG TY CỔ PHẦN (CC1)

**Trụ sở chính:** 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Điện thoại:** (+84-8) 38 222 059  
**Fax:** (+84-8) 38 290 500  
**Website:** <http://cc1jsc.com.vn>

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

**Họ và tên:** Lê Bảo Anh  
**Chức vụ:** Trưởng phòng Nghiên cứu Phát triển và Đầu tư  
**Điện thoại:** (+84-8) 38 222 059  
**Fax:** (+84-8) 38 290 500  
**Email:** [info@cc1.net.vn](mailto:info@cc1.net.vn)

## **MỤC LỤC**

|      |                                                                                                                                                                                                                                           |    |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| I.   | NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT                                                                                                                                                                 | 6  |
| 1.   | TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ – TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CÔNG TY CỔ PHẦN (CC1)                                                                                                                                                                      | 6  |
| 2.   | TỔ CHỨC TƯ VẤN – CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI)                                                                                                                                                                                | 6  |
| II.  | TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG                                                                                                                                                                                               | 6  |
| 1.   | TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN                                                                                                                                                                                                | 6  |
| 1.1  | Giới thiệu chung về Công ty                                                                                                                                                                                                               | 6  |
| 1.2  | Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch                                                                                                                                                                                               | 7  |
| 1.3  | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển                                                                                                                                                                                                | 8  |
| 1.4  | Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty                                                                                                                                                                                                | 11 |
| 2.   | CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY                                                                                                                                                                                                                    | 11 |
| 3.   | CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY                                                                                                                                                                                                             | 14 |
| 4.   | DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC, DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẪM GIỮ TẠI THỜI ĐIỂM 03/05/2017                                                               | 20 |
| 4.1. | Danh sách cổ đông sáng lập                                                                                                                                                                                                                | 20 |
| 4.2. | Danh sách cổ đông chiến lược                                                                                                                                                                                                              | 20 |
| 4.3. | Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 03/05/2017                                                                                                                         | 21 |
| 4.4. | Cơ cấu cổ đông Công ty đến thời điểm 03/05/2017                                                                                                                                                                                           | 21 |
| 5.   | DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NHỮNG CÔNG TY MÀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG | 22 |
| 5.1. | Công ty Mẹ của Công ty                                                                                                                                                                                                                    | 22 |
| 5.2. | Công ty con                                                                                                                                                                                                                               | 22 |
| 5.3. | Công ty liên doanh và liên kết                                                                                                                                                                                                            | 23 |
| 6.   | HOẠT ĐỘNG KINH DOANH                                                                                                                                                                                                                      | 25 |
| 6.1. | Các sản phẩm / dịch vụ chính của Công ty                                                                                                                                                                                                  | 25 |
| 6.2. | Doanh thu và lợi nhuận các loại sản phẩm và dịch vụ                                                                                                                                                                                       | 30 |
| 6.3. | Nguyên vật liệu                                                                                                                                                                                                                           | 31 |
| 6.4. | Trình độ công nghệ                                                                                                                                                                                                                        | 32 |
| 6.5. | Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ                                                                                                                                                                                            | 34 |
| 6.6. | Hoạt động Marketing                                                                                                                                                                                                                       | 34 |
| 6.7. | Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền                                                                                                                                                                             | 35 |
| 6.8. | Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết của CC1                                                                                                                                                                               | 35 |

|      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |           |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 7.   | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG 2 NĂM GẦN NHẤT .....                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 37        |
| 7.1  | <i>Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất.....</i>                                                                                                                                                                                                                                                                      | <i>37</i> |
| 7.2  | <i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo</i>                                                                                                                                                                                                                                                                    | <i>38</i> |
| 8.   | VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH .....                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 39        |
| 9.   | CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 42        |
| 9.1  | <i>Số lượng lao động và cơ cấu lao động .....</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <i>42</i> |
| 9.2  | <i>Các chính sách đối với lao động .....</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <i>42</i> |
| 10.  | CHÍNH SÁCH CỔ TỨC.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 43        |
| 11.  | TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 43        |
| 11.1 | <i>Các chỉ tiêu cơ bản .....</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <i>43</i> |
| 11.2 | <i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <i>48</i> |
| 12.  | TÀI SẢN (NHỮNG NHÀ XƯỞNG, TÀI SẢN THUỘC SỞ HỮU CỦA CÔNG TY).....                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 49        |
| 13.  | KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO.....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 52        |
| 14.  | THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG (THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, CAM KẾT BẢO LÃNH, CAM KẾT VAY, CHO VAY...) .....                                                                                                                                                                                                       | 55        |
| 15.  | CHIẾN LƯỢC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 55        |
| 16.  | CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY: KHÔNG CÓ .....                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 56        |
| III. | QUẢN TRỊ CÔNG TY .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 57        |
| 1.   | CƠ CẤU, THÀNH PHẦN VÀ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (GIỚI THIỆU CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAO GỒM CƠ CẤU CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (NẾU CÓ), DANH SÁCH VÀ SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, PHÂN BIỆT RÕ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHÔNG ĐIỀU HÀNH VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH) ..... | 57        |
| 2.   | BAN KIỂM SOÁT .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 65        |
| 3.   | BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 68        |
| 4.   | KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 73        |
| IV.  | PHỤ LỤC .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 74        |

## **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

|                                                                                            |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 1: Danh sách cổ đông chiến lược của Công ty tại thời điểm 03/05/2017 .....            | 20 |
| Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại thời điểm 03/05/2017 ..... | 21 |
| Bảng 3: Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông của Công ty đến thời điểm 03/05/2017 .....    | 21 |
| Bảng 4: Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....                                | 30 |
| Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp .....                                                         | 31 |
| Bảng 6: Cơ cấu chi phí và tỷ lệ chi phí/Doanh thu thuần.....                               | 32 |
| Bảng 7: Tổng hợp một số hợp đồng lớn tiêu biểu đã và đang thực hiện .....                  | 35 |
| Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh.....                                                  | 37 |
| Bảng 9: Giá trị sản lượng xây dựng qua các năm .....                                       | 40 |
| Bảng 10: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 .....                        | 42 |
| Bảng 11: Mức thu nhập bình quân của Cán bộ công nhân viên qua các năm.....                 | 42 |
| Bảng 12: Số dư các khoản thuế và các khoản phải nộp qua các năm.....                       | 44 |
| Bảng 13: Số dư các quỹ của Công ty qua các năm.....                                        | 44 |
| Bảng 14: Tổng dư nợ vay của Công ty .....                                                  | 45 |
| Bảng 15: Các khoản phải thu của Công ty.....                                               | 46 |
| Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu khác.....                                             | 46 |
| Bảng 17: Các khoản phải trả.....                                                           | 46 |
| Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....                                               | 48 |
| Bảng 19: Các khu đất mà Công ty đang quản lý .....                                         | 49 |
| Bảng 20: Danh sách tài sản cố định của Công ty .....                                       | 51 |
| Bảng 21: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức (*) .....                                            | 52 |
| Bảng 22: Danh sách Hội đồng Quản trị .....                                                 | 57 |
| Bảng 23: Danh sách Ban Kiểm soát .....                                                     | 65 |
| Bảng 24: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý.....                            | 68 |

## **CÁC KHÁI NIỆM**

|                     |                                            |
|---------------------|--------------------------------------------|
| ▪ UBCKNN:           | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước                |
| ▪ Tổng Công ty:     | Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP          |
| ▪ CC1:              | Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP          |
| ▪ ĐHĐCĐ:            | Đại hội đồng cổ đông                       |
| ▪ HĐQT:             | Hội đồng Quản trị                          |
| ▪ BTGD:             | Ban Tổng Giám đốc                          |
| ▪ TGD:              | Tổng Giám đốc                              |
| ▪ BKS:              | Ban Kiểm soát                              |
| ▪ CBCNV:            | Cán bộ công nhân viên                      |
| ▪ ĐKKD:             | Đăng ký kinh doanh                         |
| ▪ SXKD:             | Sản xuất kinh doanh                        |
| ▪ CP:               | Cổ phần                                    |
| ▪ Công ty TNHH MTV: | Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên |
| ▪ Thuế TNDN:        | Thuế Thu nhập doanh nghiệp                 |
| ▪ Thuế TNCN:        | Thuế Thu nhập cá nhân                      |
| ▪ UBND:             | Ủy ban Nhân dân                            |
| ▪ Sở KH&ĐT          | Sở Kế hoạch và Đầu tư                      |
| ▪ TP.HCM:           | Thành phố Hồ Chí Minh                      |
| ▪ BCTC:             | Báo cáo tài chính                          |
| ▪ P./ TX:           | Phường / Thị xã                            |
| ▪ VND:              | Việt Nam đồng                              |
| ▪ TMCP:             | Thương mại cổ phần                         |

## **I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT**

### **1. Tổ chức đăng ký – Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – Công ty Cổ phần (CC1)**

Ông **Lê Hữu Việt Đức**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản thông tin tóm tắt này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. Tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)**

Bà **Nguyễn Thị Hương Giang**

Chức vụ: Giám đốc Phụ trách phía Nam - Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

(Giấy ủy quyền số: 04/2014/UQ-SSI do Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ký ngày 17/10/2014)

Bản thông tin tóm tắt này là một phần của Hồ sơ đăng ký giao dịch UPCOM do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản thông tin tóm tắt này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP cung cấp.

## **II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

#### **1.1 Giới thiệu chung về Công ty**

- ❖ Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP
- ❖ Tên tiếng Anh: Construction Corporation No 1 Joint Stock Company
- ❖ Tên viết tắt: CC1



**CC1**

- ❖ Logo công ty:
- ❖ Địa chỉ trụ sở chính: 111A Pasteur, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- ❖ Điện thoại: (+84-8) 38 222 059
- ❖ Fax: (+84-8) 38 290 500
- ❖ Email: [info@cc1.net.vn](mailto:info@cc1.net.vn)
- ❖ Website: <http://cc1jsc.com.vn>
- ❖ Vốn điều lệ đăng ký: 1.100.000.000.000 đồng (Một nghìn một trăm tỷ đồng)
- ❖ Vốn điều lệ thực góp: 1.100.000.000.000 đồng (Một nghìn một trăm tỷ đồng)
- ❖ Ngày trở thành Công ty đại chúng: 12/04/2017

- ❖ Nơi mở tài khoản:

| STT | Ngân hàng giao dịch                                            | Số tài khoản       |
|-----|----------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – chi nhánh TP.HCM | 310.10.00.009721.4 |

- ❖ Giấy chứng nhận ĐKKD số 0301429113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/07/2010 và thay đổi lần thứ 5 ngày 01/11/2016,
- ❖ Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Xây lắp, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, bưu điện, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện.

## 1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- ❖ Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- ❖ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- ❖ Mã chứng khoán: CC1
- ❖ Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 110.000.000 cổ phiếu
- ❖ Tổng số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và của Tổ chức đăng ký giao dịch: **50.923.600 cổ phiếu chiếm 46,3% vốn điều lệ**
  - **Lý do:** cổ phiếu bán giá ưu đãi cho cán bộ nhân viên của CC1 có cam kết làm việc lâu dài tại CC1 và cổ phiếu của Nhà đầu tư chiến lược mua trong đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để thực hiện cổ phần hóa, căn cứ theo các văn bản sau:
    - ✓ Căn cứ Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 18/07/2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
    - ✓ Căn cứ Khoản 3c Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 18/07/2011: *“Số lượng nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại mỗi doanh nghiệp cổ phần hóa được xác định tối đa là 03 nhà đầu tư. Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận”*
  - **Thời gian hạn chế chuyển nhượng:**
    - a) **Đối với cổ phần bán giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011:**
      - ✓ Loại cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ nhân viên của CC1 có cam kết làm việc lâu dài tại CC1 trong thời hạn ít nhất là 3 năm thì được đăng ký mua thêm theo mức 200 cổ phần/năm cam kết làm việc tối đa là 2.000 cổ phần/người lao động ; Loại cổ phiếu ưu đãi cho người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đủ điều kiện được mua thêm mức 500 cổ phần/năm cam kết làm việc tối đa là

5.000 cổ phần trên người lao động;

- ✓ Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 1.423.600 cổ phần chiếm 1,29% vốn điều lệ;
- ✓ Thời gian hạn chế chuyển nhượng: căn cứ theo thời gian cam kết làm việc tại CC1 để xác định thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu của từng cán bộ nhân viên.

**b) Đối với cổ phiếu bán cho Nhà đầu tư chiến lược:**

- ✓ 03 Nhà đầu tư chiến lược gồm: CTCP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc, CTCP Cơ điện lạnh Nam Thịnh, CTCP Top American Việt Nam
- ✓ Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 49.500.000 cổ phần chiếm 45% vốn điều lệ
- ✓ Thời gian hạn chế chuyển nhượng: hạn chế từ ngày 01/11/2016 đến ngày 31/10/2021

- ❖ Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tại công ty sẽ tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 31/05/2016 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 03/05/2017 số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần – tương ứng 0%.

### **1.3 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

| Những cột mốc phát triển quan trọng |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Năm 1979                            | Ngày 7/9/1979 Hội đồng chính phủ ban hành Quyết định số 308CP tiến hành kiểm toán các tổ chức sản xuất kinh doanh trực thuộc Bộ Xây dựng trên cơ sở hợp nhất các công ty thành Tổng công ty Xây dựng số 1 gồm: Công ty xây dựng số 8, Công ty xây dựng số 10. Công ty phát triển đô thị và khu công nghiệp; và giao Bộ Xây dựng là cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp.                 |
| Năm 1995                            | Thực hiện Quyết định số 90/TTg ngày 7/3/1994 của Thủ Tướng Chính phủ về việc tiếp tục sắp xếp doanh nghiệp Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quyết định số 995/BXD- TCLD về việc thành lập Tổng công ty Xây dựng số 1 trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các đơn vị của Tổng công ty Xây dựng số 1 và một số đơn vị thuộc Bộ Xây dựng                                               |
| Năm 2006                            | Nhằm triển khai công tác tổ chức và quản lý doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định 153/2004NĐ-CP ngày 9/8/2004 của Chính Phủ về tổ chức, quản lý Tổng công ty Nhà nước và chuyển đổi Tổng công ty Nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình công ty mẹ- công ty con, Bộ trưởng Bộ Xây Dựng có quyết định số 386/QĐ-BXD ngày 09/03/2006 về việc chuyển Tổng công ty xây dựng số 1 – |

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

---

|                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 | Tổng công ty Nhà nước sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Năm 2010        | Thực hiện Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính Phủ về chuyển đổi công ty Nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu, Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng ban hành Quyết định số 617/QĐ-BXD ngày 10/6/2010 về việc chuyển công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng số 1 một thành Tổng công ty xây dựng số 1 – TNHH MTV                                  |
| Năm 2015        | Ngày 28/10/2015 Thủ tướng Chính ban hành Quyết định số 1842/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng công ty Xây dựng số 1 (tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ đồng, nhà nước nắm giữ 40% vốn điều lệ) gồm: chào bán IPO, phát hành cổ phiếu ưu đãi cho người lao động của Công ty, chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược.                                     |
| Ngày 20/7/2016  | Với sự hỗ trợ của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM, Công ty đã tổ chức bán thành công (100%) đợt IPO với số lượng cổ phiếu là 14.089.100 cổ phần chiếm 12,81% vốn điều lệ CC1 với mức giá thành công bình quân là 14.200 đồng/cổ phần                                                                                                                               |
| Tháng 07/2016   | Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phần ưu đãi cho người lao động của Công ty với số lượng cổ phần ưu đãi bán thực tế là 1.827.400cp.                                                                                                                                                                                                                           |
| Tháng 09/2016   | Bộ Xây Dựng, Ban chỉ đạo cổ phần hóa và CC1 đã triển khai lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo Quyết định 329/QĐ-BXD ngày 07/04/2016 phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược. Ngày 20/09/2016, CC1 có văn bản số 112/CV-TCT báo cáo tổng hợp kết quả bán cổ phần và đề nghị phê duyệt điều chỉnh tỷ lệ cơ cấu vốn điều lệ để chuyển sang công ty cổ phần. |
| Ngày 01/11/2016 | Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301429113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ là 1.100 tỷ đồng.                                                                                                                                                                     |
| Ngày 12/04/2017 | Công ty trở thành Công ty đại chúng theo quyết định chấp thuận số 1906/UBCK-GSDC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.                                                                                                                                                                                                                                               |

**Các giải thưởng Công ty đã đạt được:**



**HUÂN CHƯƠNG  
HỒ CHÍ MINH**



**HUÂN CHƯƠNG  
ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT**



**HUÂN CHƯƠNG  
ĐỘC LẬP HẠNG NHÌ**



**HUÂN CHƯƠNG  
ĐỘC LẬP HẠNG BA**



**HUÂN CHƯƠNG  
LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT**



**HUÂN CHƯƠNG  
LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ**



**HUÂN CHƯƠNG  
LAO ĐỘNG HẠNG BA**



**ISO 9001:2008**

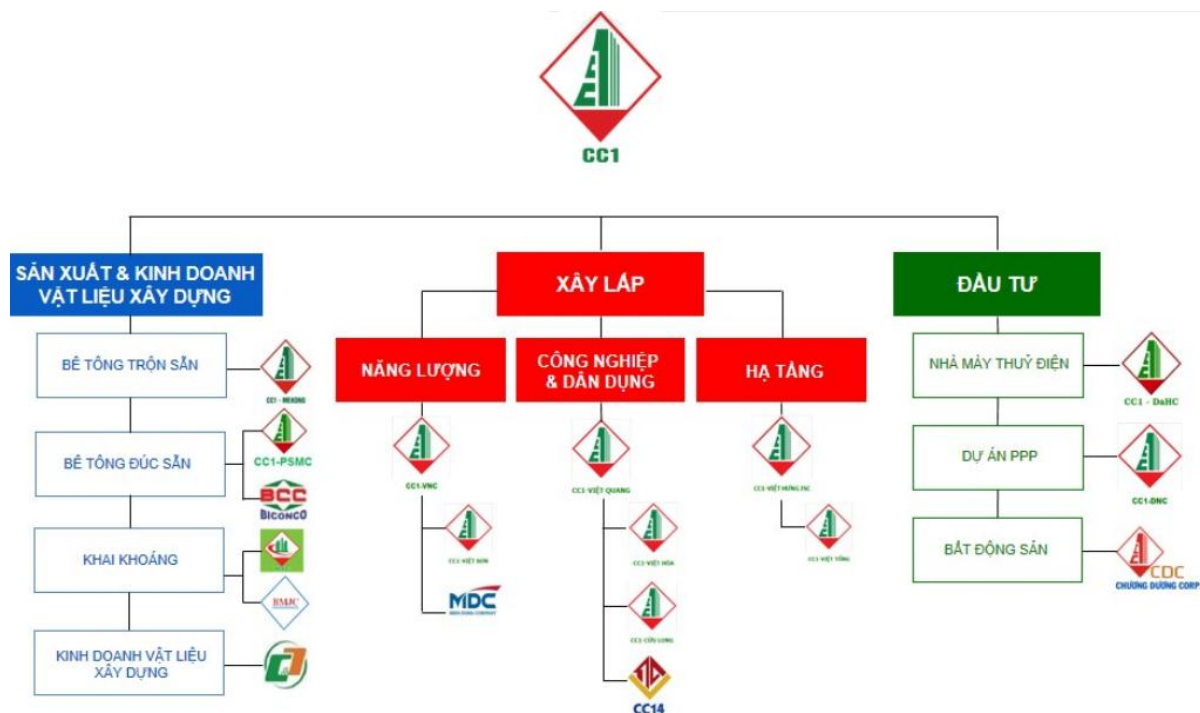


**ISO 14001:2004**



**OHSAS 18001:2007**

Kể từ khi công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 01/11/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301429113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/07/2010 và thay đổi lần thứ 5 ngày 01/11/2016, Công ty không thay đổi vốn điều lệ với giá trị đăng ký là 1.100.000.000.000 đồng (Một nghìn một trăm tỷ đồng).



- ❖ **Văn phòng chính**  
Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- ❖ **Các công ty con được hợp nhất trong báo cáo:**

Chức năng: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.



**Công ty Cổ phần Xây dựng Số Một - Việt Quang**

Địa chỉ: 34-36, Đường số 2, Khu dân cư Cityland, P.5, Quận Gò Vấp, Tp. HCM

Chức năng: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.



**Công ty Cổ phần Xây dựng Số Một - Việt Hưng**

Địa chỉ: 491 A2 Nơ Trang Long, Phường 13, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM

Chức năng: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Xây dựng nhà các loại, công trình đường sắt và đường bộ, công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác.



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai**

Địa chỉ: 939A Xa lộ Hà Nội, Khu phố Bình Dương, P. Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

Chức năng: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.



**Công ty TNHH Bê tông Đức sẵn Vina PSMC**

Địa chỉ: Lô 1699 Cụm công nghiệp Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An

Chức năng: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

❖ **Các công ty liên kết**



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'tih**

Địa chỉ: 88 Lê Duẩn, P. Nghĩa Tân, Thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông

Chức năng: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.



**Công ty Cổ phần Bê Tông Biên Hòa**

Địa chỉ: Đường số 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Chức năng: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Sản xuất các cấu kiện kim loại. Xây dựng nhà các loại.



**Công ty Cổ phần Xây dựng và Khai thác Vật liệu Xây dựng Miền Trung**

Địa chỉ: Lầu 5, số nhà 35, đường Hai Bà Trưng, P.Lê Hồng Phong, TP.Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Chức năng: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.



**Công ty Cổ phần Xây dựng & Kinh doanh Vật tư (C&T)**

Địa chỉ: Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM

Chức năng: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác.



**Công ty Cổ phần Xây dựng Số Một - Việt Tổng**

Địa chỉ: 168/38C, Đường D2, Phường 25, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM

Chức năng: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng. Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.



**Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Phúc Đức**

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

Chức năng: Xây dựng các công trình nhà các loại, các công trình dân dụng. Bán buôn máy móc thiết bị. Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn.



**Công ty Cổ phần Xây dựng Số Một - Việt Sơn**

Địa chỉ: Lầu 1, Chung cư 24A, Đường D5, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM

Chức năng: Xây dựng các công trình dân dụng. Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.



**Công ty Cổ phần Chương Dương**

Địa chỉ: 328 Đại lộ Võ Văn Kiệt, P. Cô Giang, Quận 1, Tp.HCM

Chức năng: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc.



CC1 - CỬU LONG

**Công ty Cổ phần Xây dựng & Kinh doanh Nhà Cửu Long**

Địa chỉ: Số 351 Nơ Trang Long, P.13, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM

Chức năng: Xây dựng các công trình dân dụng. Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.



**Công ty cổ phần Xây dựng số 14**

Địa chỉ: Số 8, Phạm Ngọc Thạch, Q.1, TP. HCM

Chức năng: Xây dựng các công trình dân dụng. Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Sản xuất các cấu kiện kim loại.

❖ **Công ty liên doanh**

**Công ty Liên doanh Lenex**

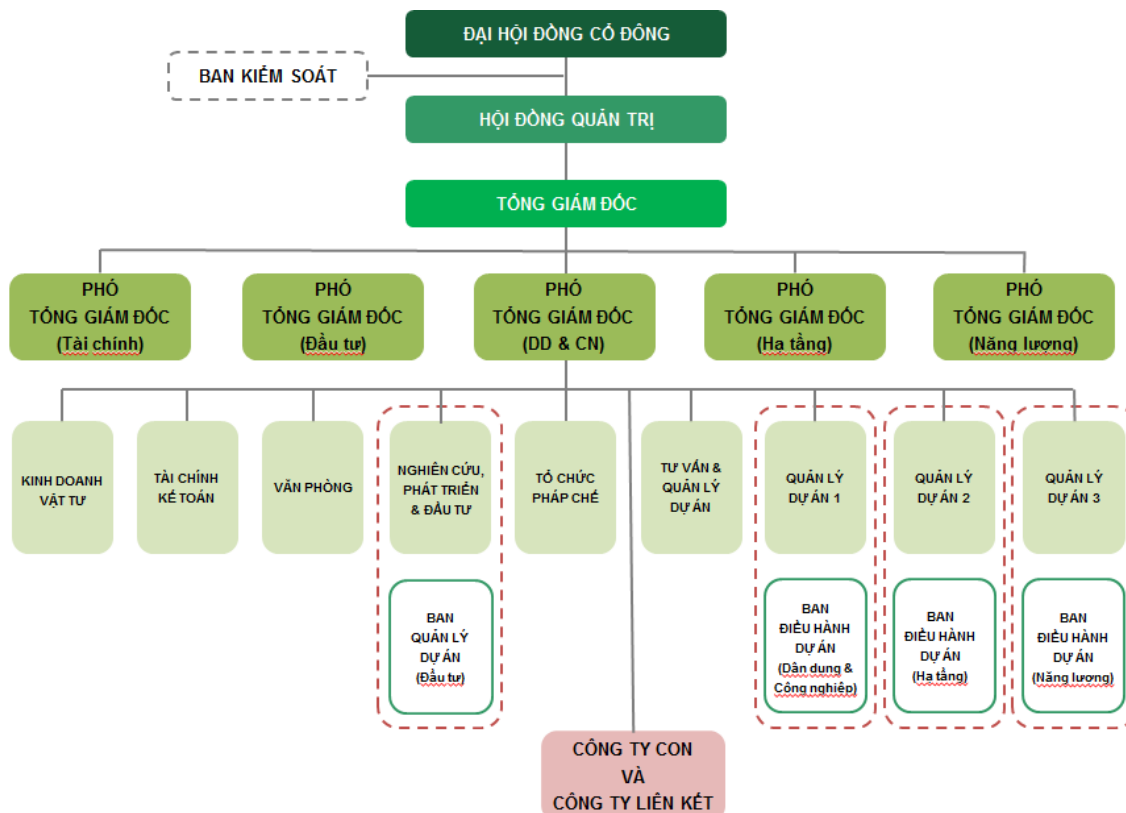


Địa chỉ: Đường số 1, An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

Chức năng: sản xuất và gia công các sản phẩm phục vụ trong xây dựng như coppha, giàn giáo, panel...

**3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty**

**Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty**



**Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của CC1. ĐHCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận, thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty, thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền khác theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

**Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị gồm 07 thành viên là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

|                       |                 |
|-----------------------|-----------------|
| Ông Lê Dũng           | Chủ tịch HĐQT   |
| Ông Lê Hữu Việt Đức   | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Công Khai  | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Đức Dũng   | Thành viên HĐQT |
| Ông Phan Văn Vũ       | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Quốc Cường | Thành viên HĐQT |
| Ông Lê Thành          | Thành viên HĐQT |

**Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên thực hiện kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty theo nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động kiểm soát viên. Kiểm soát viên phụ trách chung có quyền sử dụng con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định,

|                           |                      |
|---------------------------|----------------------|
| Bà Trần Thị Tố Loan       | Trưởng Ban kiểm soát |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Phương | Thành viên BKS       |
| Bà Trần Thị Tuyết         | Thành viên BKS       |

**Ban Điều Hành**

Ban điều hành của Công ty bao gồm: 01 Tổng Giám đốc, 04 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Phó TGD được TGD phân công và ủy nhiệm quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó TGD chịu trách nhiệm trực tiếp trước TGD và cùng chịu trách nhiệm liên đới với TGD trước HĐQT về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm.

|                       |                   |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Lê Hữu Việt Đức   | Tổng Giám đốc     |
| Ông Nguyễn Trí Mạnh   | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hoàng Trung Thanh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Huỳnh Tấn Trí     | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Đức Dũng   | Phó Tổng Giám đốc |

**Các Bộ phận nghiệp vụ**

Các bộ phận nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban điều hành, trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn theo chỉ đạo của Ban điều hành

**❖ Bộ phận Tài chính kế toán**

- Chức năng:
  - Tham mưu, phân tích đánh giá tình hình tài chính toàn CC1.
  - Tổ chức hạch toán kế toán các hoạt động sản xuất kinh doanh của Văn phòng CC1.
  - Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về quản lý hạch toán kế toán tài chính toàn CC1.
- Nhiệm vụ:
  - Cập nhật các cơ chế, quy định về quản lý tài chính kế toán của Nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của CC1.
  - Xây dựng quy chế quản lý tài chính toàn CC1.
  - Tổ chức, kiểm tra công tác hạch toán kế toán tại Văn phòng CC1.
  - Tổng hợp, phân tích tình hình tài chính toàn CC1.
  - Đề xuất với Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc các giải pháp xây dựng năng lực tài chính.

**❖ Bộ phận Văn phòng**

- Chức năng:
  - Tham mưu về tổ chức và hoạt động của Văn phòng CC1 cho Lãnh đạo CC1.
  - Quản lý, điều hành các hoạt động của Văn phòng Cơ quan CC1.
- Nhiệm vụ:
  - Đảm bảo hệ thống làm việc cho hệ thống bộ máy CC1.
  - Kiểm soát công văn đến, công văn đi.
  - Quản lý con dấu, kiểm soát việc ban hành văn bản đúng quy định.
  - Tổ chức thực hiện công tác lưu trữ của CC1.
  - Quản lý hệ thống thông tin thuộc Văn phòng Cơ quan CC1.
  - Quản trị website của CC1.
  - Tổ chức sắp xếp lịch làm việc của hệ thống bộ máy CC1.
  - Tổ chức thực hiện công tác lễ tân và phục vụ tiếp khách trong và ngoài nước.
  - Theo dõi tổng hợp công tác thi đua khen thưởng trong toàn CC1.
  - Tổ chức sinh hoạt Văn phòng Cơ quan CC1.
  - Tổ chức thực hiện công tác y tế, phòng dịch và chăm sóc sức khỏe cho CBCNV.
  - Đảm bảo an ninh trật tự trong phạm vi khu vực cơ quan CC1.

**❖ Bộ phận Nghiên cứu, Phát triển và Đầu tư**

- Chức năng: Nghiên cứu và hoạch định chiến lược phát triển của CC1 trong ngắn hạn và dài hạn; Nghiên cứu và phát triển các dự án đầu tư mới; Tham mưu, quản lý các hoạt động đầu tư của CC1; Quản trị website; Quản lý hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.
- Nhiệm vụ:
  - Nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước về lĩnh vực đầu tư, xây dựng các ngành

ngành khác có liên quan.

- Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới trong hoạt động xây dựng.
- Rà soát, đánh giá và theo dõi nội lực của CC1.
  - ✓ Nghiên cứu, hoạch định chiến lược về đầu tư, xây lắp, kinh doanh thương mại, sản phẩm, dịch vụ trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn (03 năm, 05 năm, 10 năm).
  - ✓ Tập hợp thông tin, nghiên cứu các nhu cầu thị trường.
  - ✓ Lập và trình duyệt kế hoạch đầu tư ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo định hướng chiến lược phát triển của CC1.
  - ✓ Nghiên cứu phân tích tài chính và đề xuất lựa chọn các dự án đầu tư có hiệu quả cao.
  - ✓ Tổng hợp kế hoạch đầu tư của các công ty thành viên.
- Triển khai các chiến lược, kế hoạch đến các bộ phận chức năng của CC1.
- Tạo quan hệ với các cấp chính quyền.
- Xây dựng cơ cấu vốn cho các dự án.
- Thực hiện các thủ tục để chuẩn bị đầu tư dự án.
- Quản lý, giám sát việc tuân thủ các quy định, quy trình thủ tục đầu tư trong giai đoạn đầu tư xây dựng và kết thúc đầu tư. Kiểm tra, xem xét các hồ sơ và trình duyệt trong quá trình đầu tư và quyết toán đầu tư.
- Đề xuất phương án tổ chức thực hiện dự án đầu tư. Tập hợp thông tin, phân tích đánh giá tình hình thực hiện các dự án đầu tư.
- Đề xuất phương án chuẩn bị sản xuất và vận hành dự án.
- Nghiên cứu xây dựng các quy định, quy trình, hướng dẫn thực hiện hoạt động đầu tư phù hợp với điều lệ hoạt động của CC1 và quy định hiện hành của Nhà nước; Đào tạo, hướng dẫn thực hiện công tác đầu tư trong nội bộ CC1.
- Tham gia hội đồng xét thầu đối với các dự án do CC1 trực tiếp đầu tư. Kiểm tra, trình duyệt kết quả đấu thầu đối với các dự án do các công ty thành viên đầu tư.
- Quản trị website của CC1.
- Thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ hợp tác quốc tế của CC1.
- Theo dõi Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, OSHAS 18001:2007 để phù hợp với chính sách và mục tiêu chất lượng, an toàn đề ra của CC1.

❖ **Bộ phận Tổ chức pháp chế**

- Chức năng: Tham mưu, quản lý công tác tổ chức - đổi mới doanh nghiệp; công tác cán bộ - lao động và tiền lương; công tác bảo vệ chính trị nội bộ, công tác thanh tra kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách trong CC1.
- Nhiệm vụ:
  - Nghiên cứu đề xuất phương án tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh theo nhu cầu xây dựng, phát triển và đổi mới doanh nghiệp.
  - Tham gia xây dựng các quy chế quản lý nội bộ, kiểm tra việc tổ chức thực hiện của các doanh nghiệp thành viên.
  - Tổ chức quản lý đội ngũ CBCNV theo phân cấp của CC1. Tham mưu xây dựng quy hoạch tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt luân chuyển cán bộ. Thực hiện chế độ

chính sách đối với cán bộ.

- Xây dựng đơn giá tiền lương, quản lý quỹ lương.
- Tham mưu giải quyết các đơn thư khiếu nại của công dân.
- Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, quy định của Nhà nước trong CC1.

❖ **Bộ phận Kinh doanh vật tư**

- Chức năng: Tham mưu, quản lý, tổ chức công tác kinh doanh trong CC1.
- Nhiệm vụ:
  - Tiếp cận, nghiên cứu kế hoạch sản xuất kinh doanh của CC1 cũng như các đơn vị thành viên cho các dự án đầu tư, các công trình thi công xây lắp, sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện đúc sẵn, kinh doanh thương mại, kinh doanh địa ốc và hạ tầng.
  - Lập kế hoạch cung ứng dựa trên cơ sở tập hợp nhu cầu vật tư và đề xuất việc tổ chức kinh doanh theo định hướng của CC1.
  - Tổ chức kinh doanh vật tư theo cơ chế thị trường có sự kiểm soát, định hướng của CC1.
  - Liên hệ chặt chẽ với các nhà máy sản xuất để cung cấp đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng cao nhất.
  - Thường xuyên cập nhật giá vật tư báo cáo Lãnh đạo CC1 và phục vụ cho công tác đấu thầu, quản lý và hạch toán.
  - Thường xuyên tìm kiếm các loại vật liệu mới thay thế.

❖ **Bộ phận Quản lý Dự án 1**

- Chức năng: tham mưu và quản lý dự án xây dựng công trình năng lượng điện, môi trường, thủy lợi và công nghiệp.
  - Lựa chọn dự án xây dựng công trình về các công trình năng lượng và công nghiệp tiến hành tiếp thị đấu thầu.
  - Lập mô hình quản lý dự án.
  - Quản lý các dự án đấu thầu, các dự án do CC1 đầu tư hay liên doanh.
  - Quản lý chi phí và hạch toán giá thành đảm bảo các dự án đạt được hiệu quả (lợi nhuận) cao nhất.
- Nhiệm vụ:
  - Tiếp thị đấu thầu
    - ✓ Tập hợp các thông tin về các dự án xây dựng: từ nguồn thông tin bên ngoài CC1, từ các báo cáo tiếp thị đấu thầu của các công ty thành viên và bộ phận nghiệp vụ.
    - ✓ Lập kế hoạch tiếp thị các dự án, lựa chọn các dự án tốt nhất để tham gia đấu thầu.
  - Lập hồ sơ dự thầu
    - ✓ Đề xuất phương án, kế hoạch thực hiện hồ sơ đấu thầu.
    - ✓ Chịu trách nhiệm chính trong việc lập hồ sơ đấu thầu (kể cả các gói thầu do đơn vị thành viên lập nhưng CC1 đứng tên đấu thầu).
    - ✓ Cập nhật thông tin về giá cả thị trường về vật liệu xây dựng, nhân công, thiết bị, xe máy thi công vv... phục vụ công tác đấu thầu.
    - ✓ Soạn thảo, đàm phán với chủ đầu tư về các nội dung của hợp đồng trước khi trình Tổng Giám đốc ký kết.

- ✓ Đối với các dự án trúng thầu do đơn vị thành viên lập nhưng CC1, bộ phận Quản lý dự án 1 phải thống nhất với đơn vị thành viên này các điều khoản hợp đồng trước khi trình Tổng Giám đốc ký kết.
- Chuẩn bị triển khai dự án
  - ✓ Đề xuất hình thức quản lý dự án.
  - ✓ Lập phương án giao thầu, lập dự toán chi phí thi công để trình Tổng Giám đốc phê duyệt.
  - ✓ Soạn thảo, đàm phán các hợp đồng thầu phụ để trình Tổng Giám đốc ký.
  - ✓ Lập kế hoạch cung cấp vật tư cho các dự án.
- Kiểm soát tình hình các dự án thi công xây lắp
  - ✓ Các quy định về quản lý thi công.
  - ✓ Tình hình trên công trường: tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
  - ✓ Tài liệu và hồ sơ dự án.
- Kiểm soát tình hình các dự án đầu tư
  - ✓ Thẩm định, kiểm tra thiết kế và dự toán ban đầu.
  - ✓ Thiết lập phương án chi phí, hợp đồng giao khoán thầu phụ.
  - ✓ Các quy định về quản lý thi công.
  - ✓ Tình hình trên công trường: tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
- Quản lý kinh tế dự án
  - ✓ Kiểm soát toàn bộ quá trình tạm ứng và thanh quyết toán của dự án giữa CC1 với các chủ đầu tư và các nhà thầu phụ, bao gồm: lập phiếu giá thanh toán giữa chủ đầu tư và CC1, theo dõi giám sát hồ sơ chuyển đến chủ đầu tư và quay trở về sau khi đã hoàn tất thủ tục thanh toán, đôn đốc các chủ đầu tư hoàn thành các thủ tục thanh toán, thanh toán cho các nhà thầu phụ (bao gồm các thầu phụ trong CC1 và các thầu phụ bên ngoài CC1).
  - ✓ Phối hợp với Ban điều hành dự án tính toán các giá trị phát sinh, thay đổi trong quá trình thực hiện hợp đồng với chủ đầu tư và nhà thầu phụ.
  - ✓ Đôn đốc, kiểm tra và thực hiện việc thanh toán công nợ giữa CC1 với các chủ đầu tư và các nhà thầu phụ.
  - ✓ Phối hợp với các Ban điều hành dự án để thanh lý hợp đồng với chủ đầu tư và với các nhà thầu phụ.
  - ✓ Tổ chức thu hồi các công nợ cũ tồn đọng giữa CC1 và các chủ đầu tư.
  - ✓ Phối hợp với bộ phận Tài chính Kế toán giải quyết công nợ giữa CC1 và các đơn vị trong CC1.
  - ✓ Hàng tháng cập nhật bảng theo dõi dòng tiền thanh toán giữa chủ đầu tư và CC1 cũng như giữa CC1 và các nhà thầu phụ.
  - ✓ Lập kế hoạch tài chính cho dự án, cập nhật hàng tháng và đề xuất thay đổi nếu có.
  - ✓ Theo dõi thời hạn hiệu lực của các bảo lãnh ngân hàng liên quan đến dự án thi công.
  - ✓ Thực hiện công tác bàn giao, nghiệm thu và bảo hành công trình.

**❖ Bộ phận Quản lý Dự án 2**

Bộ phận Quản lý dự án 2 có chức năng tham mưu quản lý dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và giao thông. Chức năng và nhiệm vụ cụ thể của Bộ phận Quản lý dự án 2 tương tự Bộ phận Quản lý dự án 1.

**❖ Bộ phận Quản lý Dự án 3**

Bộ phận Quản lý dự án 3 có chức năng tham mưu quản lý dự án xây dựng các công trình dân dụng. Chức năng và nhiệm vụ cụ thể của Bộ phận Quản lý dự án 3 tương tự Bộ phận Quản lý dự án 1.

**❖ Bộ phận Tư vấn và Quản lý dự án**

- Chức năng:
  - Lập dự án đầu tư.
  - Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông và các loại công trình đặc biệt khác.
- Nhiệm vụ:
  - Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.
  - Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.
  - Giám sát thi công công trình xây dựng.
  - Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, áp dụng vào thực tế hoạt động của CC1.

**4. Danh sách cổ đông sáng lập, danh sách cổ đông chiến lược, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 03/05/2017****4.1. Danh sách cổ đông sáng lập**

Không có

**4.2. Danh sách cổ đông chiến lược****Bảng 1: Danh sách cổ đông chiến lược của Công ty tại thời điểm 03/05/2017**

| TT               | Tên cổ đông                              | Số CMND/ĐKKD | Địa chỉ                                                                        | Số CP nắm giữ     | Tỷ lệ (%)     |
|------------------|------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|
| 1,               | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUẤN LỘC | 0303898093   | 362/14 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh                  | 20.900.000        | 19,00%        |
| 2,               | CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH NAM THỊNH   | 0302638261   | 8-10 Nguyễn Bá Tuyển, Phường 12, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh                 | 16.500.000        | 15,00%        |
| 3,               | CÔNG TY CỔ PHẦN TOP AMERICAN VIỆT NAM    | 3701888519   | Lô G-4B-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, P.Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Bình Dương | 12.100.000        | 11,00%        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                          |              |                                                                                | <b>49.500.000</b> | <b>45,00%</b> |

Nguồn: Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

## BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

### TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Căn cứ quy định tại Khoản 3c Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 18/07/2011: “Số lượng nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại mỗi doanh nghiệp cổ phần hóa được xác định tối đa là 03 nhà đầu tư. Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận”.

Tổng Công ty Xây dựng Số 1 được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh chuyển đổi thành Công ty cổ phần vào ngày 01/11/2016 do vậy các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông chiến lược vẫn còn hiệu lực đến hết ngày 31/10/2021.

#### 4.3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 03/05/2017

**Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 03/05/2017**

| TT               | Tên cổ đông                              | Số CMND/ĐKKD | Địa chỉ                                                                        | Số CP nắm giữ      | Tỷ lệ (%)     |
|------------------|------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------|
| 1                | LÊ THÀNH                                 | 04507400004  | Số 6 Ngõ 580, Đường La Thành, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội        | 14.076.800         | 12,80%        |
| 2                | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUẤN LỘC | 0303898093   | 362/14 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh                  | 20.900.000         | 19,00%        |
| 3                | CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN LẠNH NAM THỊNH   | 0302638261   | 8-10 Nguyễn Bá Tuyển, Phường 12, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh                 | 16.500.000         | 15,00%        |
| 4                | CÔNG TY CỔ PHẦN TOP AMERICAN VIỆT NAM    | 3701888519   | Lô G-4B-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, P.Mỹ Phước, Thị Xã Bến Cát, Bình Dương | 12.100.000         | 11,00%        |
| 5                | BỘ XÂY DỰNG                              | 1042/QĐ-BXD  | 37 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội                                      | 44.583.500         | 40,53%        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                          |              |                                                                                | <b>108.160.300</b> | <b>98,33%</b> |

Nguồn: Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

#### 4.4. Cơ cấu cổ đông Công ty đến thời điểm 03/05/2017

**Bảng 3: Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông của Công ty tại thời điểm 03/05/2017**

| TT | Nhóm cổ đông       | Số lượng (cổ đông) | Số cổ phần (cổ phần) | Giá trị theo mệnh giá (VND) | Tỷ lệ(%) |
|----|--------------------|--------------------|----------------------|-----------------------------|----------|
| I  | Cổ đông trong nước | 597                | 110.000.000          | 1.100.000.000.000           | 100%     |

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

| TT               | Nhóm cổ đông              | Số lượng<br>(cổ đông) | Số cổ phần<br>(cổ phần) | Giá trị theo<br>mệnh giá (VND) | Tỷ lệ(%)    |
|------------------|---------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------------------|-------------|
| 1                | Cổ đông tổ chức           | 4                     | 94.083.500              | 940.835.000.000                | 85,53%      |
|                  | <i>Trong đó: Nhà nước</i> | 1                     | 44.583.500              | 445.835.000.000                | 40,53%      |
| 2                | Cổ đông cá nhân           | 593                   | 15.916.500              | 159.165.000.000                | 14,47%      |
| <b>II</b>        | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>0</b>              | <b>0</b>                | <b>0</b>                       | <b>0%</b>   |
| 1                | Cổ đông tổ chức           | 0                     | 0                       | 0                              | 0%          |
| 2                | Cổ đông cá nhân           | 0                     | 0                       | 0                              | 0%          |
| <b>III</b>       | <b>Cổ phiếu quỹ</b>       | <b>0</b>              | <b>0</b>                | <b>0</b>                       | <b>0%</b>   |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>597</b>            | <b>110.000.000</b>      | <b>1.100.000.000.000</b>       | <b>100%</b> |

Nguồn: Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng**

**5.1. Công ty Mẹ của Công ty:**

Không có

**5.2. Công ty con:**

| T<br>T | Công ty                            | Địa chỉ                                                           | Giấy ĐKKD  | Ngành nghề<br>kinh doanh<br>chính                   | Vốn điều lệ<br>(đồng) | Tỷ lệ<br>góp<br>vốn<br>của<br>CC1 |
|--------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|
| 1      | CTCP Xây dựng Số Một - Việt Nguyên | 1.2 Chung cư 351/31 Nơ Trang Long, P.13, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM    | 0304762338 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác          | 50.000.000.000        | 50,92%                            |
| 2      | CTCP Xây dựng Số Một - Việt Quang  | 34-36, Đường số 2, Khu dân cư Cityland, P.5, Quận Gò Vấp, Tp. HCM | 0304654396 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác          | 50.000.000.000        | 51,00%                            |
| 3      | CTCP Xây dựng Số Một - Việt Hưng   | 491A Nơ Trang Long, Phường 13, Q. Bình Thạnh,                     | 4103011492 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan | 50.000.000.000        | 51,20%                            |

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

| T<br>T | Công ty                                    | Địa chỉ                                                                                        | Giấy ĐKKD  | Ngành nghề<br>kinh doanh<br>chính                                    | Vốn điều lệ<br>(đồng) | Tỷ lệ<br>góp<br>vốn<br>của<br>CC1 |
|--------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|
|        |                                            | Tp. HCM                                                                                        |            |                                                                      |                       |                                   |
| 4      | CTCP Đầu tư<br>và Xây dựng<br>Cầu Đồng Nai | 939A Xa lộ Hà<br>Nội, Khu phố<br>Bình Dương,<br>P. Long Bình<br>Tân, Tp. Biên<br>Hòa, Đồng Nai | 3600990139 | Xây dựng công<br>trình kỹ thuật<br>dân dụng                          | 461.000.000.000       | 72,47%                            |
| 5      | Cty TNHH Bê<br>tông Đức sẵn<br>Vina PSMC   | Lô 1699 Cụm<br>công nghiệp<br>Long Định,<br>huyện Cần<br>Đước, tỉnh<br>Long An                 | 1100636640 | Sản xuất bê<br>tông và các sản<br>phẩm từ xi<br>măng và thạch<br>cao | 48.094.925.969        | 70,00%                            |

*Nguồn: Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP*

**5.3. Công ty liên kết:**

| TT | Công ty                                                                | Địa chỉ                                                                                           | Giấy ĐKKD  | Ngành nghề<br>kinh doanh<br>chính                                    | Vốn điều lệ<br>(đồng) | Tỷ lệ<br>góp<br>vốn<br>của<br>CC1 |
|----|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|
| 1  | CTCP Thủy<br>điện Đăk<br>R'tih                                         | 88 Lê Duẩn, P.<br>Nghĩa Tân, Thị<br>xã Gia Nghĩa,<br>Đăk Nông                                     | 6400036989 | Sản xuất,<br>truyền tải và<br>phân phối điện                         | 1.000.000.000.000     | 40,07%                            |
| 2  | CTCP Bê<br>tông Biên<br>Hoà                                            | Đường số 1A,<br>Khu Công<br>nghiệp Biên<br>Hòa 1, P.An<br>Bình, Tp. Biên<br>Hòa, tỉnh Đồng<br>Nai | 3600448180 | Sản xuất bê<br>tông và các sản<br>phẩm từ xi<br>măng và thạch<br>cao | 45.000.000.000        | 40,92%                            |
| 3  | CTCP Xây<br>dựng và<br>Khai thác<br>Vật liệu Xây<br>dựng Miền<br>Trung | Lầu 5, số nhà<br>35 đường Hai<br>Bà Trưng,<br>P.Lê Hồng<br>Phong,<br>TP.Quảng                     | 4300208380 | Xây dựng công<br>trình kỹ thuật<br>dân dụng                          | 15.000.000.000        | 22,38%                            |

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

| TT | Công ty                                 | Địa chỉ                                                      | Giấy ĐKKD  | Ngành nghề kinh doanh chính                                 | Vốn điều lệ (đồng) | Tỷ lệ góp vốn của CC1 |
|----|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|
|    |                                         | Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi                                        |            |                                                             |                    |                       |
| 4  | CTCP Xây dựng & Kinh doanh Vật tư (C&T) | Lầu 6, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM                   | 4103001488 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng          | 100.150.690.000    | 36,17%                |
| 5  | CTCP Xây dựng số một - Việt Tổng        | 168/38C, Đường D2, Phường 25, Q.Bình Thạnh, Tp. HCM          | 0304716204 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                  | 10.000.000.000     | 20,40%                |
| 6  | CTCP Đầu tư Nhân Phúc Đức               | 111A Pasteur, Quận 1, TP.HCM                                 | 0309325155 | Xây dựng nhà các loại, công trình công ích và dân dụng khác | 150.000.000.000    | 34,51%                |
| 7  | CTCP Xây dựng Số Một - Việt Sơn         | Lầu 1, Chung cư 24A, Đường D5, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM | 0307879479 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng                       | 8.000.000.000      | 29,91%                |
| 8  | Công ty cổ phần Chương Dương            | 328 Đại lộ Võ Văn Kiệt, P. Cô Giang, Quận 1, Tp.HCM          | 4103002011 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng                       | 157.064.060.000    | 23,77%                |
| 9  | CTCP Xây dựng & Kinh doanh Nhà Cửu Long | Số 351 Nơ Trang Long, P.13, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM         | 4103005805 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng                       | 32.000.000.000     | 22,00%                |
| 10 | CTCP Xây dựng số 14                     | Số 8, Phạm Ngọc Thạch, Q.1, TP. HCM                          | 4103004297 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng                       | 55.730.000.000     | 28,90%                |

*Nguồn: Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP*

**6. Hoạt động kinh doanh****6.1. Các sản phẩm / dịch vụ chính của Công ty**

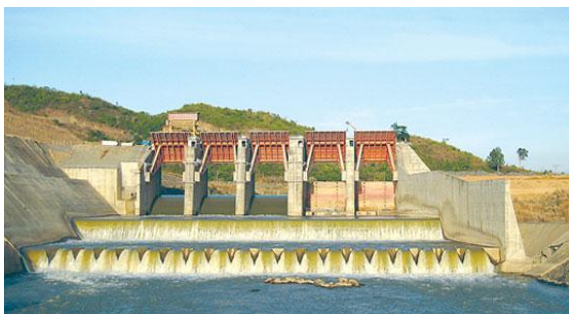
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng như xây lắp công nghiệp và dân dụng, năng lượng, hạ tầng.

**6.1.1 Lĩnh vực Xây lắp**

Đây là ngành nghề truyền thống và là thế mạnh của CC1. Trải qua 38 năm, CC1 đã trở thành nhà thầu xây dựng cho những dự án xây lắp trọng điểm quốc gia trong tất cả các phương thức từ nhà thầu chính, tổng thầu EPC đến các hình thức BOT, BT, BOO.

**❖ Công trình năng lượng**

Tại khu vực phía Nam Việt Nam, CC1 chiếm gần như toàn bộ thị phần thi công công trình năng lượng của Chính phủ qua hàng loạt các dự án đã hoàn thành từ năm 1989. Các công trình này đã đóng góp vào lưới điện quốc gia mỗi năm khoảng trên 22 tỷ kWh điện.



- **Các nhà máy Thủy điện:** Trị An (440MW), Thác Mơ (150MW), Hàm Thuận – Đa Mi (475MW), Buôn Kuốp (280MW), Buôn TuaShra (86MW), Đakr'tih (144MW).
- **Các nhà máy Nhiệt điện:** Phú Mỹ (1.800MW), Ô Môn (330MW), Nhơn Trạch 1 (450MW), Nghi Sơn 1 (600MW)

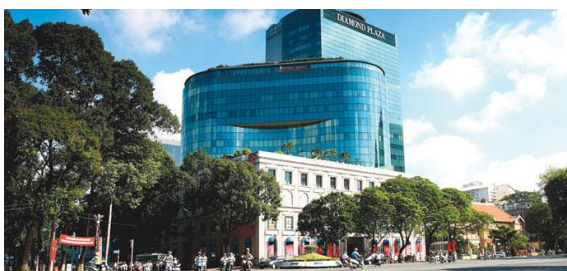
**❖ Công trình hạ tầng giao thông**

CC1 được đánh giá là một nhà thầu có uy tín và năng lực trong lĩnh vực thi công các công trình giao thông lớn như cầu Thủ Thiêm bắc qua sông Sài Gòn, Cầu Văn Thánh 2, đường nối từ cầu Thủ Thiêm đến Đại lộ Đông Tây (tại thành phố Hồ Chí Minh), Cầu Đồng Nai mới bắc qua sông Đồng Nai, Cầu Hoá An (Đồng Nai), quốc lộ 39 tại Thái Bình ....

**❖ Công trình dân dụng và công nghiệp**

Ngoài hai lĩnh vực xây dựng nêu trên, CC1 cũng nhận thầu thi công Nhà cao tầng và các công trình công nghiệp như:

**Cao ốc văn phòng và khách sạn**



- New World
- Sheraton
- Caravelle
- Sofitel
- Vinpearl
- Hoàng Đế Huế
- Nha Trang Lodge
- Diamond Plaza
- Sunwah Tower
- Sailing Tower
- E-Town

**Công trình nhà ở đô thị, trường học, bệnh viện, trung tâm hành chính, nhà máy sản xuất chế biến**



- Nhà máy Xi măng Hà Tiên
- Xi măng Holcim
- Vedan
- Vinamilk
- Đài truyền hình Tp.HCM
- Bệnh viện quốc tế Thành Đô Hoa Lâm Shangrila
- Bệnh viện Nhân dân 115
- Đại học Quốc Gia Tp.HCM
- Trung tâm Hành Chính Lâm Đồng

Thị trường xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình năng lượng của CC1 đến nay đã được mở rộng trên khắp cả nước. Đồng thời, CC1 luôn coi trọng mối quan hệ hợp tác nhận thầu thi công các công trình với các công ty xây dựng nước ngoài. Thông qua đó, các cán bộ, kỹ sư và công nhân của Công ty có điều kiện học hỏi kinh nghiệm, nâng cao trình độ quản lý và tác phong làm việc chuyên nghiệp từ các đối tác nước ngoài như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Trung Quốc... trong đó, CC1 có mối quan hệ hợp tác tốt với các doanh nghiệp Nhật Bản như Shimizu, Hitachi, Itochu, JGC, Kajima, Marubeni, Mitsubishi, Sumitomo, Toa, Taisei, Taiheiyo, Tokyo...

❖ **Hình thức thực hiện xây lắp**

Hiện tại, CC1 có thể thực hiện xây lắp các công trình theo các hình thức sau:

- ✓ **Nhà thầu xây lắp:** CC1 sở hữu đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn cao cùng với trang thiết bị máy móc công nghệ hiện đại, khả năng quản lý tốt sẽ chủ động thực hiện xuyên suốt quá trình phân công việc xây lắp theo thiết kế đã phê duyệt của chủ đầu tư.
- ✓ **Tổng thầu EPC** (Engineering – Procurement – Construction): CC1 thực hiện trọn gói các công việc của một dự án hoặc gói thầu thông qua thỏa thuận bằng hợp đồng giữa Chủ đầu tư với Nhà thầu, bao gồm: thực hiện các công việc về thiết kế kỹ thuật, mua sắm vật tư, thiết bị và các dịch vụ kỹ thuật kèm theo, thi công xây dựng và lắp đặt để đưa công trình vào vận hành khai thác một cách đồng bộ.
- ✓ **Tổng thầu chìa khóa trao tay:** tương tự Tổng thầu EPC chỉ khác là ngoài phần thiết kế kỹ thuật, cung ứng vật tư thiết bị, thi công công trình, nhà thầu còn được Chủ đầu tư giao thực hiện cả việc khảo sát, lập Dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc Báo cáo khả thi.

**6.1.2 Lĩnh vực Đầu tư**

Bên cạnh hoạt động kinh doanh chính là xây dựng, CC1 còn là Chủ đầu tư của nhiều dự án lớn trong lĩnh vực năng lượng, giao thông và dân dụng theo hình thức BT, BOT, BOO, PPP thông qua các công trình tiêu biểu như:

| Tên dự án                                            | Quy mô                     | Tổng mức đầu tư    |
|------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------|
| • Sailing Tower                                      | 22 tầng + 3 tầng hầm       | trên 800 tỷ đồng   |
| • Khu dân cư Hạnh Phúc                               | 43 ha tại huyện Bình Chánh | trên 9.000 tỷ đồng |
| • Nhà máy Thủy điện Đak'Tih                          | 144MW tại tỉnh Đak Nông    | trên 3.800 tỷ đồng |
| • Cầu Đồng Nai mới và tuyến giao thông ở hai đầu cầu |                            | trên 2.200 tỷ đồng |

Trong đó, dự án Sailing Tower đã hoàn thành và đưa vào hoạt động từ năm 2008, đây là dự án tổ hợp căn hộ và mặt bằng văn phòng để bán và cho thuê. Tòa nhà được thiết kế như là điểm nhấn của Thành phố Hồ Chí Minh cùng với không gian sang trọng tiện nghi nằm ngay giữa trung tâm thành phố và thuộc một trong số ít những tòa nhà cung cấp diện tích mặt sàn văn phòng rộng lớn – 1.500m<sup>2</sup>, do đó, dự án được nhiều doanh nghiệp lựa chọn để làm văn phòng công ty, hiện CC1 cũng đặt trụ sở chính ngay tại dự án này. Ngoài ra, năm 2015, dự án Khu dân cư Hạnh Phúc nằm dọc theo trục mặt đường Nguyễn Văn Linh với quy mô 43 ha được thiết kế theo dạng chung cư cao cấp, nhà liền kề, biệt thự song lập và đơn lập, gồm 7 lô với chiều cao 18 đến 30 tầng đã hoàn thành thi công và đang tiến hành bàn giao dự án.

Bên cạnh các dự án nhà ở - văn phòng, dự án Nhà máy Thủy điện Đak'Tih 144MW cũng đã hoàn thành và đưa vào phát điện theo hình thức BOO từ năm 2011 với hiệu quả cao (doanh thu hàng năm đạt khoảng 530 tỷ đồng tương đương 636 triệu kWh điện/ năm). Cũng theo đó, giai đoạn 1 của cầu Đồng Nai mới được đưa vào sử dụng theo hình thức BOT và đã có doanh thu thu phí từ năm 2009 tại Trạm thu phí Sông Phan – Bình Thuận (khoảng 65 tỷ đồng/ năm), đồng thời hoàn thành triển khai giai đoạn 2 (Nút giao Vũng Tàu và Tân Vạn) và giai đoạn 3 (cầu vượt Amata, hầm chui Tam Hiệp) và được đưa vào sử dụng từ tháng 6 năm 2015.

Hiện đầu tư kinh doanh bất động sản là một kênh đầu tư kinh doanh quan trọng, hỗ trợ cho các lĩnh vực khác cùng phát triển. Với uy tín cùng kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công các công trình hạ tầng giao thông, CC1 đã được Chính phủ và các Cơ quan Nhà nước có liên quan ủng hộ tạo điều kiện tham gia thực hiện nhiều dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia khác như đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn – Túy Loan – Phần kỳ đầu tư giai đoạn 1 (tổng mức đầu tư khoảng 11.000 tỷ đồng), hạng mục cầu An Hảo và tuyến nối Quốc lộ 51 vào Quốc lộ 1K thuộc giai đoạn 4 dự án cầu Đồng Nai mới và tuyến hai đầu cầu... Ngoài ra, CC1 vẫn đang tiếp tục đầu tư vào các loại bất động sản là các khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu công nghệ cao; nhà ở và văn phòng cho thuê; các khu nghỉ mát, vui chơi giải trí; các trung tâm thương mại, khách sạn...

## BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

### TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP



TUYẾN ĐƯỜNG BỘ VEN BIỂN ĐOẠN QUA  
ĐỊA BÀN TP. HẢI PHÒNG VÀ 09KM TRÊN  
ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH



NÂNG CẤP, MỞ RỘNG QUỐC LỘ 22



NHÀ MÁY ĐIỆN GIÓ BÌNH THUẬN



KHU DÂN CƯ HẠNH PHÚC



CHUNG CƯ FELIX HOME



TÒA NHÀ SAILING TOWER



NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐAKR'ITI



CẦU ĐỒNG NAI MỚI VÀ TUYẾN 2 ĐẦU CẦU



ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH ĐOẠN LA SƠN - TUYÊN  
LOAN (KM41 ĐẾN KM57)

#### 6.1.3 Lĩnh vực Sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng

CC1 cũng là một nhà sản xuất và cung cấp sản phẩm công nghiệp, vật liệu xây dựng và điện năng với các dòng sản phẩm chính như sau:

| T<br>T | Sản phẩm công<br>nghiệp & VLXD chính | Công suất sản<br>xuất   | Thị trường cung<br>cấp chính                                        | Khách hàng<br>chủ yếu                                                        | Ghi chú |
|--------|--------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|
| I.     | <b>SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP</b>          |                         |                                                                     |                                                                              |         |
| 1.     | Kết cấu thép trong xây<br>dựng       | 18.000 tấn/năm          | Miền trung, Tây<br>Nguyên, khu vực<br>Đông Nam bộ và<br>Tây Nam bộ. | Các khu công<br>nghiệp, các nhà<br>máy điện.                                 |         |
| 2.     | Trụ điện bê tông cốt<br>thép đúc sẵn | 17.000 cấu kiện<br>/năm | Các tỉnh thuộc<br>khu vực miền<br>Trung và Nam bộ.                  | Các công ty<br>thuộc CC1, GS<br>E&C (Korea),<br>và các đơn vị<br>thuộc ngành |         |

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

| T<br>T                                | Sản phẩm công<br>nghiệp & VLXD chính                      | Công suất sản<br>xuất                                                              | Thị trường cung<br>cấp chính                                          | Khách hàng<br>chủ yếu                                                                                                                                                  | Ghi chú                                                                                                           |
|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                       |                                                           |                                                                                    |                                                                       | điện.                                                                                                                                                                  |                                                                                                                   |
| 3.                                    | Cọc Bê tông cốt thép<br>đúc sẵn                           | 840.000m /năm                                                                      | Các tỉnh thuộc<br>khu vực miền<br>Trung và Nam bộ.                    | Các công ty<br>thuộc CC1, GS<br>E&C (Korea),<br>và các đơn vị<br>thuộc ngành<br>điện.                                                                                  |                                                                                                                   |
| <b>II. SẢN PHẨM VẬT LIỆU XÂY DỰNG</b> |                                                           |                                                                                    |                                                                       |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                   |
| 1.                                    | Bê tông tươi (Ready-<br>mixed concrete)                   | 500.000m <sup>3</sup> /năm<br>và sẽ tăng lên<br>tùy theo nhu cầu<br>của thị trường | Tp.HCM, Cần<br>Thơ, Đồng Nai,<br>Bình Dương,<br>Long An, Đà<br>Lạt... | Cung cấp trong<br>nội bộ tại các<br>dự án mà CC1<br>thực hiện<br>(khoảng 80%)<br>và cung cấp<br>cho các nhà<br>thầu thi công<br>khác trên các<br>địa bàn hoạt<br>động. |                                                                                                                   |
| 2.                                    | Đá xây dựng các loại                                      | 400.000 –<br>450.000 m <sup>3</sup> /năm                                           | Bình Dương,<br>Đồng Nai,<br>Kontum và các<br>tỉnh thành khác          | CC1 và các<br>nhà thầu có các<br>dự án xây<br>dựng trong<br>phạm vi phục<br>vụ của khu vực<br>khai thác                                                                |                                                                                                                   |
| 3.                                    | Nguyên liệu đá vôi<br>cung cấp cho các nhà<br>máy xi măng | 10 – 11 triệu tấn<br>/ năm                                                         | Thanh Hóa, Kiên<br>Giang, Quảng<br>Ninh, Quảng Bình                   | Các Công ty<br>sản xuất xi<br>măng: Nghi<br>Sơn, Holcim,<br>Cầm Phả, Tam<br>Điệp, Quảng<br>Phúc                                                                        | Đơn vị đã ký<br>các hợp đồng<br>cung cấp<br>nguyên liệu<br>độc quyền và<br>dài hạn với các<br>nhà máy xi<br>măng. |
| <b>III. SẢN PHẨM ĐIỆN NĂNG</b>        |                                                           |                                                                                    |                                                                       |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                   |
| 1                                     | Điện năng                                                 | 144 MW ~ 636<br>triệu kWh điện /<br>năm                                            | Cung cấp cho<br>lưới điện quốc gia<br>Việt Nam                        | EVN                                                                                                                                                                    |                                                                                                                   |

**6.1.4 Lĩnh vực Kinh doanh vật liệu xây dựng**

Hiện nay CC1 là nhà phân phối chính thức cho các Công ty, tập đoàn sản xuất vật liệu xây dựng như:

- **Xi măng:** Xi măng Nghi Sơn, Holcim, Hà Tiên, Chinfon, Fico, Phúc Sơn, Cẩm Phả, Hạ Long, Thăng Long.
- **Thép xây dựng:** Thép Miền nam (SSC), thép Pomina, thép Vinakyoel(VKS), thép Việt Úc (Vinausteel), Việt Ý (VIS), thép Úc (SSE), thép Hòa Phát và Thép Tây Đô. Thép ống, thép hộp Hòa Phát, Vingal, Việt Đức.
- **Vật liệu gạch không nung:** Gạch cốt liệu VINA; VIETCEM; gạch khí chưng áp: E-BLOCK, Sông Đà Cao Cường.
- **Vật liệu hoàn thiện khác:** Gạch ốp lát Đồng Tâm, White Horse, Viglacera; Thiết bị vệ sinh INAX & Viglacera; Sơn NIPPON, Kova, Sơn Dulux ICI; Cửa thép chống cháy LECMAX; Ống nhựa PVC Đệ Nhất, Bình Minh, Hoa Sen Minh Hùng.

**Các công trình điển hình đã cung cấp vật liệu:**

- Dự án Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn
- Dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch, Nhiệt điện Mông Dương
- Dự án Nhà máy Thủy điện Đắktìh
- Dự án Bệnh viện Nhi Đồng 3 - Tp Hồ Chí Minh
- Dự án Cầu Đồng Nai, Cầu Thủ Thiêm, Dự án Đường Cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi
- Dự án Ký Túc Xá Sinh Viên ĐH Quốc Gia Tp.Hồ Chí Minh
- Dự án Cầu Hóa An, Dự án Tân Hóa Lò Gốm
- Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4, Bệnh Viện Đa Khoa Xuân Lộc...

**6.2. Doanh thu và lợi nhuận các loại sản phẩm và dịch vụ:****Bảng 4: Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| TT               | Chỉ tiêu                | Năm 2015         |              | Giai đoạn<br>01/01/2016 - 31/10/2016 |              | Giai đoạn<br>01/11/2016 - 31/12/2016 |              |
|------------------|-------------------------|------------------|--------------|--------------------------------------|--------------|--------------------------------------|--------------|
|                  |                         | Giá trị          | Tỷ trọng (%) | Giá trị                              | Tỷ trọng (%) | Giá trị                              | Tỷ trọng (%) |
| 1                | Bán hàng hóa            | 1.301.782        | 23,27%       | 425.698                              | 7,67%        | 91.291                               | 8,83%        |
| 2                | Xây lắp                 | 2.981.009        | 53,30%       | 3.707.359                            | 66,79%       | 701.881                              | 67,92%       |
| 3                | Dịch vụ cung cấp        | 478.814          | 8,56%        | 517.260                              | 9,32%        | 110.788                              | 10,72%       |
| 4                | Kinh doanh bất động sản | 117.447          | 2,10%        | 35.228                               | 0,63%        | 7.053                                | 0,68%        |
| 5                | Khấu trừ nhà thầu phụ   | 120.178          | 2,15%        | 0                                    | 0,00%        | 0                                    | 0,00%        |
| 6                | Bán điện                | 594.058          | 10,62%       | 426.925                              | 7,69%        | 0                                    | 0,00%        |
| 7                | Bán thành phẩm          | 0                | 0,00%        | 438.219                              | 7,89%        | 122.382                              | 11,84%       |
| <b>Tổng cộng</b> |                         | <b>5.593.288</b> | <b>100%</b>  | <b>5.550.689</b>                     | <b>100%</b>  | <b>1.033.395</b>                     | <b>100%</b>  |

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của Tổng Công ty Xây dựng số 1-TNHH MTV và BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn từ 1/11/2016-31/12/2016 của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP*

**Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp***Đơn vị tính: triệu đồng*

| TT               | Chỉ tiêu                | Năm 2015       |              | Giai đoạn<br>01/01/2016 - 31/10/2016 |              | Giai đoạn<br>01/11/2016 - 31/12/2016 |              |
|------------------|-------------------------|----------------|--------------|--------------------------------------|--------------|--------------------------------------|--------------|
|                  |                         | Giá trị        | Tỷ trọng (%) | Giá trị                              | Tỷ trọng (%) | Giá trị                              | Tỷ trọng (%) |
| 1                | Bán hàng hóa            | 82.937         | 10,46%       | 24.837                               | 3,93%        | -1.924                               | -1,99%       |
| 2                | Xây lắp                 | 122.427        | 15,45%       | 4.183                                | 0,66%        | 25.981                               | 26,85%       |
| 3                | Dịch vụ cung cấp        | 237.139        | 29,92%       | 280.247                              | 44,40%       | 57.682                               | 59,61%       |
| 4                | Kinh doanh bất động sản | -25.259        | -3,19%       | 41.017                               | 6,50%        | -1.830                               | -1,89%       |
| 5                | Khấu trừ nhà thầu phụ   | 1.311          | 0,17%        | 0                                    | 0,00%        | 0                                    | 0,00%        |
| 6                | Bán điện                | 374.075        | 47,19%       | 238.079                              | 37,71%       | 0                                    | 0,00%        |
| 7                | Bán thành phẩm          | 0              | 0,00%        | 42.896                               | 6,80%        | 16.860                               | 17,42%       |
| <b>Tổng cộng</b> |                         | <b>792.630</b> | <b>100%</b>  | <b>631.259</b>                       | <b>100%</b>  | <b>96.769</b>                        | <b>100%</b>  |

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của Tổng Công ty Xây dựng số 1-TNHH MTV và BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn từ 1/11/2016-31/12/2016 của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP*

### 6.3. Nguyên vật liệu

#### a. **Nguồn nguyên vật liệu**

Bên cạnh việc đầu tư vào hoạt động kinh doanh chính là lĩnh vực xây dựng, Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP còn tham gia vào thị trường kinh doanh thương mại phân khúc các sản phẩm vật liệu xây dựng, tạo nên chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến khâu thành phẩm, giúp Công ty phát triển thành tập đoàn đầu tư và xây dựng vững mạnh tại Việt Nam. Ngoài nguồn nguyên liệu tự doanh, CC1 còn nâng cao giá trị tăng thêm tích lũy cho nguồn nguyên liệu cung cấp từ việc mở rộng hoạt động sản xuất và thương mại các sản phẩm công nghiệp và điện năng tại các đơn vị thành viên trực thuộc CC1. Cụ thể, CC1 sở hữu công ty con và công ty liên kết chuyên sản xuất bê tông tươi và cấu kiện bê tông đúc sẵn như: Công ty Mê Kông, CTCP Xây dựng Số 14, CTCP Bê tông Biên Hòa, Cty TNHH Bê tông đúc sẵn Vina PSMC. Đồng thời CC1 và các công ty thành viên cũng là đại lý cấp 1 cho các nhà sản xuất thép, xi măng, ... Nhờ việc chủ động về nguồn cung cấp vật liệu xây dựng chính như xi măng, thép, vật liệu hoàn thiện đầu vào, bê tông, sản phẩm cấu kiện bê tông đúc sẵn đầu vào cho các công trình giúp CC1 đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ công trình, dự án. Nguồn cung cấp ổn định từ mạng lưới kinh doanh hợp nhất của CC1 đóng vai trò quan trọng vào các dự án thi công, xây lắp, đầu tư của CC1 tạo nên chiến lược phát triển chung và bền vững.

Ngoài chuỗi giá trị đã tạo lập từ việc hợp nhất sản xuất phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, CC1 còn xây dựng và phát huy lợi thế cạnh tranh thông qua hình thức trở thành nhà phân phối chính thức của nhiều nhà sản xuất trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, CC1 luôn chủ động phối hợp với các phòng ban chức năng trong việc thực thi kế hoạch sản xuất kinh doanh nhằm đạt được thỏa thuận chính sách giá tốt nhất từ các nhà cung cấp so với giá trên thị trường.

#### b. **Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu:**

Hoạt động chủ yếu của CC1 là xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Để sản phẩm đầu ra có chất lượng thì nguyên liệu đầu vào phải đảm bảo chất lượng, do đó với nền tảng giá trị từ chuỗi cung ứng khép kín cho hoạt động sản xuất kinh doanh, CC1 luôn đảm bảo tính ổn định

## BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

### TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

về nguồn cung cấp nguyên vật liệu chính cho tất cả các công trình do CC1 thực hiện. Sự biến động về giá nguyên vật liệu trên thị trường không ảnh hưởng nhiều đến doanh thu và lợi nhuận chung của CC1.

#### c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

**Bảng 6: Cơ cấu chi phí và tỷ lệ chi phí/Doanh thu thuần**

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu                        | Năm 2015         |             |               | Giai đoạn<br>01/01/2016 - 31/10/2016 |             |                | Giai đoạn<br>01/11/2016 - 31/12/2016 |             |                |
|---------------------------------|------------------|-------------|---------------|--------------------------------------|-------------|----------------|--------------------------------------|-------------|----------------|
|                                 | Giá trị          | %/TCP       | %/TDT         | Giá trị                              | %/TCP       | %/TDT          | Giá trị                              | %/TCP       | %/TDT          |
| Giá vốn hàng bán                | 4.800.657        | 89,31 %     | 84,47%        | 4.919.430                            | 90,55 %     | 87,73 %        | 936.626                              | 92,62 %     | 88,59 %        |
| Chi phí tài chính               | 404.816          | 7,53%       | 7,12%         | 363.328                              | 6,69%       | 6,48%          | 34.408                               | 3,40%       | 3,25%          |
| Chi phí bán hàng                | 15.681           | 0,29%       | 0,28%         | 6.597                                | 0,12%       | 0,12%          | 1.724                                | 0,17%       | 0,16%          |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp    | 137.989          | 2,57%       | 2,43%         | 118.384                              | 2,18%       | 2,11%          | 35.632                               | 3,52%       | 3,37%          |
| Chi phí khác                    | 15.972           | 0,30%       | 0,28%         | 25.218                               | 0,46%       | 0,45%          | 2.882                                | 0,28%       | 0,27%          |
| <b>Tổng chi phí (TCP)</b>       | <b>5.375.115</b> | <b>100%</b> | <b>94,58%</b> | <b>5.432.957</b>                     | <b>100%</b> | <b>96,88 %</b> | <b>1.011.271</b>                     | <b>100%</b> | <b>95,65 %</b> |
| <b>Tổng Doanh thu (TDT) (*)</b> | <b>5.683.071</b> |             |               | <b>5.607.638</b>                     |             |                | <b>1.057.214</b>                     |             |                |

(\*) Tổng Doanh thu bao gồm Doanh thu thuần, Thu nhập Tài chính và Thu nhập khác

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của Tổng Công ty Xây dựng số 1-TNHH MTV và BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn từ 1/11/2016-31/12/2016 của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP

#### 6.4. Trình độ công nghệ

Qua 38 năm phát triển, CC1 luôn chủ động tiếp thụ trình độ khoa học công nghệ của các nước phát triển thông qua mối quan hệ hợp tác nhận thầu thi công các công trình với các công ty xây dựng nước ngoài như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ Trung Quốc. Nhờ đó đội ngũ nhân lực của CC1 ngày càng được nâng cao trình độ công nghệ trong công tác thi công, xây lắp, thiết kế, kỹ thuật cũng như trình độ quản trị dự án và tác phong làm việc chuyên nghiệp từ các đối tác nước ngoài.

Hiện nay, CC1 đang tập trung nghiên cứu và ứng dụng những sản phẩm vật liệu và công nghệ xây dựng mới, thân thiện với môi trường để tạo sự cạnh tranh khác biệt như sản phẩm gạch nhẹ thay thế cho gạch nung từ đất sét truyền thống, cấu kiện bê tông phục vụ dự án chống biến đổi khí hậu, v.v...

Ngoài ra, CC1 đã và đang nghiên cứu và ứng dụng những công nghệ tiên tiến trên thế giới vào các công trình của CC1 trong các lĩnh vực sau:

##### 6.4.1 Lĩnh vực xây lắp

###### ❖ Đối với các Công trình năng lượng:

- Ứng dụng công nghệ xây dựng về bê tông khối lớn trong công tác thi công các nhà máy nhiệt điện, nhà máy thủy điện...
- Sử dụng các thiết bị đóng cọc của những thương hiệu nổi tiếng và có công nghệ hiện đại như Nippon Sharyo của Nhật Bản và Delmag của Đức trong việc thi công các công trình

năng lượng, tiêu biểu là công trình Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa.

- Đang nghiên cứu công nghệ xây dựng bê tông chịu phóng xạ nhiệt ứng dụng trong công tác thi công các công trình có quy mô lớn và yêu cầu kỹ thuật phức tạp như nhà máy điện hạt nhân, công nghệ về điện gió và điện thủy triều.
- ❖ Đối với các Công trình hạ tầng giao thông:
  - Ứng dụng thành công công nghệ xử lý nền đất yếu tiên tiến trên thế giới trong việc thi công các công trình có địa hình, địa chất phức tạp, đã áp dụng thành công trong việc xử lý công trình Cầu Văn Thánh 2 – TP.Hồ Chí Minh.
  - Áp dụng rộng rãi và làm chủ công nghệ đúc hẫng được chuyển giao từ Na Uy như dàn MSS (Movable Scaffolding System) trong việc thi công các công trình cầu có khẩu độ lớn, đã ứng dụng để thi công Cầu Thủ Thiêm – TP.Hồ Chí Minh.
  - Đối với các công trình ngầm, CC1 đang nghiên cứu công nghệ thi công và xử lý các công trình ngầm đô thị dạng tuyến và dạng điểm sâu đến 30m bằng TBM (Turbine Boring Machine) của Châu Âu, công nghệ của Đức trong việc thi công công trình vệ sinh môi trường nước (hệ thống cấp, thoát nước) tại TP. Hồ Chí Minh như hệ thống kích ống ngầm.
- ❖ Đối với công trình dân dụng:
  - Sử dụng các loại vận thăng, cầu tháp, hệ bao che theo các tiêu chuẩn và công nghệ mới của Nhật Bản và Hàn Quốc trong công tác thi công công trình cao tầng.
  - Đang nghiên cứu và từng bước đưa vào các công trình của CC1 vật liệu có tính năng cao như thép carbon, bê tông cường độ cao, kết cấu hỗn hợp, bê tông dự ứng lực, sàn bê tông cốt thép BubbleDesk trong xây dựng nhà cao trên 40 tầng.

#### **6.4.2 Lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng**

- Làm chủ được công nghệ chế tạo vật liệu xây dựng mới có tính năng cao, vật liệu thân thiện với môi trường như:
  - o Thanh polymer cốt sợi (sử dụng nguyên liệu nội địa) theo công nghệ của Nga nhằm thay thế cốt thép đen thông thường trong các cổ kiện bê tông cốt thép ở các công trình ngầm và công trình chống biến đổi khí hậu (Nhà máy đặt tại Khu Công nghiệp Phú Long – Long An);
  - o Gạch không nung với chi phí giá thành thấp nhằm thay thế hoàn toàn gạch nung thông thường.
- Sử dụng thiết bị đồng bộ theo tiêu chuẩn công nghệ của Đức trong việc sản xuất bê tông thương phẩm phục vụ các công trình của CC1 mà điển hình là nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa.

#### **6.4.3 Lĩnh vực tư vấn xây dựng**

- Có đội ngũ chuyên gia giỏi đủ năng lực cạnh tranh trong thiết kế kết cấu các công trình cao trên 40 tầng, các công trình có quy mô lớn và yêu cầu kỹ thuật phức tạp.
- Áp dụng các giải pháp thiết kế mới và các vật liệu mới phục vụ việc thực hiện chiến lược quốc gia về nhà ở theo các tiêu chuẩn hiện đại trên thế giới.

**6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý chất lượng – an toàn lao động – sức khỏe nghề nghiệp – môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, CC1 đã và đang áp dụng các hệ thống quản lý như sau:

- ISO 9001:2008: Hệ thống quản lý chất lượng
- ISO 14001:2004: Hệ thống quản lý môi trường
- OHSAS 18001:2007: Hệ thống quản lý an toàn – sức khỏe nghề nghiệp

Nhằm thực thi các hệ thống quản lý trên, CC1 đã thành lập Ban An toàn – Sức khỏe – Môi trường (gọi tắt là Ban HSE) và Ban Chỉ đạo và Điều hành các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế (gọi tắt là Ban ISO) để kiểm tra và giám sát việc tuân thủ các hệ thống quản lý hiện hữu trong tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của CC1.

**6.6. Hoạt động Marketing**

Để đảm bảo nguồn công việc ổn định nhằm tạo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, CC1 luôn chú trọng thực hiện tốt các công tác quảng bá thương hiệu và tiếp thị đầu thầu. Công tác tiếp thị quảng bá thương hiệu của CC1 tập trung phân bổ nguồn lực cho các hoạt động sau:

- Nắm được kế hoạch phân bổ vốn đầu tư trung và dài hạn của Chính phủ và các địa phương;
- Cập nhật thông tin đầu tư FDI vào Việt Nam;
- Thiết lập và duy trì quan hệ tốt với các bộ ngành trung ương và chính quyền địa phương để tiếp cận, quảng bá thương hiệu và tiếp thị các dự án;
- Thiết lập và duy trì quan hệ tốt với đại sứ quán các nước tại Việt nam ( Hoa Kỳ, Đức, Nhật Bản, Tây Ban Nha...), các tổ chức quốc tế như Amcham, Eucham,...để cập nhật sớm nhất các thông tin về các nhà đầu tư và các đối tác quốc tế tiềm năng, có quan tâm đến thị trường Việt Nam. Qua đó, CC1 cũng luôn được các đối tác quốc tế biết đến đầu tiên như là một nhà thầu lớn và có uy tín trong nước;
- Thông qua báo chí, internet, báo cáo thống kê của các tổ chức nghiên cứu thị trường uy tín, để lựa chọn và chủ động tiếp xúc với các chủ đầu tư, nhà thầu chính tiềm năng để qua đó giới thiệu về năng lực và quảng bá thương hiệu của CC1, đồng thời thiết lập các quan hệ hợp tác lâu dài;
- Chủ động tiếp cận và đặt vấn đề với cơ quan Chính phủ về việc thu xếp vốn thực hiện dự án cấp bách và trọng điểm quốc gia theo hình thức BT hoặc BOT nhằm tăng cường sức mạnh quảng bá thương hiệu CC1 và mang lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp;
- Đảm bảo tiến độ thi công và chất lượng công trình, làm hài lòng chủ đầu tư. Tích cực quảng bá và khẳng định thương hiệu CC1 thông qua chất lượng thực hiện các công trình trên cả nước;
- Nghiên cứu, mở rộng hoạt động xây lắp của CC1 sang thị trường Qatar và Myanmar thông qua hợp tác và lập công ty để nhận thầu các hợp đồng xây lắp và quảng bá thương hiệu CC1 trong thời gian tới. Đồng thời, cũng nghiên cứu để đưa các sản phẩm vật liệu xây dựng của Việt Nam vào các thị trường này;
- Thực hiện thi công đảm bảo tiến độ và chất lượng ở các dự án đang triển khai để giành

được sự hài lòng và tín nhiệm của khách hàng để có cơ hội tiếp tục nhận thi công các dự án tiếp theo.

#### 6.7. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 140.440 kèm theo quyết định số 641/QĐ-SHTT ngày 12/01/2010

Logo và nhãn hiệu công ty



#### 6.8. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết của CC1

**Bảng 7: Tổng hợp một số hợp đồng lớn tiêu biểu đã và đang thực hiện**

| T<br>T | Đối tác                                               | Tên công trình                                               | Số Hợp đồng                        | Nội dung hợp đồng                                                                                                    | Giá trị hợp đồng (tỷ đồng) | Thời gian thực hiện |
|--------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|
| 1.     | Công ty CP Xây dựng & QLDA Số 1                       | Khu tái định cư Đông Hội, Lô 5B3, 5B2                        | 214/2017/HĐXD D                    | Thi công phần móng, tầng hầm, thân thô hoàn thiện.                                                                   | 1.606                      | 2017 - 2019         |
| 2.     | Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam | Đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi                           | 47/HĐXD-VEC/2014                   | Thi công gói A1                                                                                                      | 1.482                      | 2014 - 2017         |
| 3.     | Công ty TNHH Mitsui Engineering                       | Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng                       | DH3EXT-C0315-01 ký ngày 26/05/2015 | Thi công xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 Mở rộng                                                             | 1.144                      | 2015 - 2018         |
| 4.     | Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ Túy Loan                | Dự án Đường Hồ Chí Minh đoạn Ia Sơn - Túy Loan (Giai đoạn 1) | 42/HĐXD-LSTL                       | Hợp đồng xây dựng chuyển giao (BT) Dự án : phân kỳ đầu tư giai đoạn 1- Xây dựng công trình Đường Hồ Chí Minh đoạn Ia | 844                        | 2014 – 2017         |

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

| T<br>T | Đối tác                                                            | Tên công trình                                                    | Số Hợp đồng              | Nội dung hợp đồng                                                                                                            | Giá trị hợp đồng (tỷ đồng) | Thời gian thực hiện |
|--------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|
|        |                                                                    |                                                                   |                          | Sơn - Túy Loan                                                                                                               |                            |                     |
| 5.     | Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình giao thông đô thị Thành phố | CT Cải tạo HT thoát nước Hàng Bàng - Gói K                        | WEI/CON/K/2015           | Thi công lắp đặt hệ thống cống thoát nước, cải tạo kênh, xây dựng trạm bơm thoát nước                                        | 590                        | 2015 - 2018         |
| 6.     | Liên danh Shimizu- Maeda                                           | CT Đường sắt Nội Đô TP.HCM - Metro 1B                             | UMRTL1-SC-0029           | Thi công kết cấu vĩnh cửu Ga Nhà Hát, nhà Ga Ba Son                                                                          | 406                        | 2014 - 2018         |
| 7.     | Công ty CP Xây dựng & QLDA Số 1                                    | KDL sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp Eurowindow Nha Trang          | 08/2017/HĐXD             | Thi công các gói khách sạn, hồ bơi, biệt thự, ký túc xá, nhà hàng                                                            | 415                        | 2016 - 2017         |
| 8.     | BQL dự án khu vực các công trình giao thông vận tải                | Dự án PT GT Đô thị Hải Phòng                                      | CW3A và CW4A             | CW3A: Xây lắp hầm chui cầu Rào và đường dẫn<br><br>CW4A: Xây lắp hầm chui cầu Rào đến Nam Hải                                | 383                        | 2014 – 2017         |
| 9.     | BQL DA ĐTXDCT sở y tế Vĩnh Phúc                                    | Gói thầu xây lắp số 02 thuộc Dự án Bệnh Viện Phúc Yên giai đoạn 2 | 01/2016/HĐ-XDLĐ          | Hợp đồng thi công xây dựng công trình và cung cấp thiết bị Gói thầu xây lắp số 02 thuộc Dự án Bệnh Viện Phúc Yên giai đoạn 2 | 130                        | 2016 – 2017         |
| 10.    | Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam              | Đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi                                | 47/HĐXD-VEC/2014         | Thi công gói A1                                                                                                              | 1.482                      | 2014 – 2016         |
| 11.    | Sở Y tế TP.HCM                                                     | Bệnh viện Nhi đồng 3 TP.HCM                                       | 33/2014/HĐ-EPC-BVNĐTPHCM | Tổng thầu EPC                                                                                                                | 1.976                      | 2014 – 2016         |

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

| T<br>T | Đối tác                                 | Tên công trình           | Số Hợp đồng      | Nội dung hợp đồng | Giá trị hợp đồng (tỷ đồng) | Thời gian thực hiện |
|--------|-----------------------------------------|--------------------------|------------------|-------------------|----------------------------|---------------------|
| 12.    | JGCS: thầu chính thực hiện gói thầu EPC | Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn | CNT-6495-CVL-001 | Thi công xây lắp  | 3.612                      | 2013 - 2016         |

Nguồn: Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

### 7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2015-2016

**Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị: triệu đồng

| TT        | Chỉ tiêu                                        | Năm 2015   | Giai đoạn 01/01/2016 - 31/10/2016 | Giai đoạn 01/11/2016 - 31/12/2016 | % tăng giảm (*) |
|-----------|-------------------------------------------------|------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------|
| <b>I</b>  | <b>Công ty mẹ (CC1)</b>                         |            |                                   |                                   |                 |
| 1         | Tổng giá trị tài sản                            | 7.826.857  | 7.642.011                         | 8.014.126                         | -               |
| 2         | Vốn chủ sở hữu                                  | 882.506    | 1.337.610                         | 1.319.995                         | -               |
| 3         | Doanh thu thuần                                 | 4.454.049  | 4.530.516                         | 864.463                           | -               |
| 4         | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh               | 88.559     | 124.180                           | 5.934                             | -               |
| 5         | Lợi nhuận khác                                  | -2.494     | -16.788                           | -1.568                            | -               |
| 6         | Lợi nhuận trước thuế                            | 86.065     | 107.391                           | 4.366                             | -               |
| 7         | Lợi nhuận sau thuế                              | 86.065     | 107.391                           | 4.366                             | -               |
| 8         | Giá trị sổ sách (đồng)                          | -          | -                                 | 12.000                            | -               |
| <b>II</b> | <b>Công ty mẹ và các công ty con (Hợp nhất)</b> |            |                                   |                                   |                 |
| 1         | Tổng giá trị tài sản                            | 10.473.902 | 8.878.721                         | 9.399.249                         | -               |
| 2         | Vốn chủ sở hữu                                  | 2.213.772  | 1.734.614                         | 1.769.174                         | -               |
| 3         | Doanh thu thuần                                 | 5.593.287  | 5.550.689                         | 1.033.395                         | -               |
| 4         | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh               | 284.635    | 184.557                           | 51.801                            | -               |
| 5         | Lợi nhuận khác                                  | 21.552     | -12.461                           | 7.418                             | -               |
| 6         | Lợi nhuận trước thuế                            | 306.186    | 172.097                           | 59.219                            | -               |
| 7         | Lợi nhuận sau thuế                              | 297.862    | 154.804                           | 56.335                            | -               |

|    |                                                               |         |         |        |   |
|----|---------------------------------------------------------------|---------|---------|--------|---|
| 8  | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ <sup>(1)</sup>      | 155.917 | 35.259  | 44.912 | - |
| 9  | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát <sup>(2)</sup> | 141.945 | 119.544 | 11.423 | - |
| 10 | Giá trị sổ sách (đồng)                                        | -       | -       | 13.757 | - |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 (Mẹ và Hợp nhất) của Tổng Công ty Xây dựng số 1-TNHH MTV và BCTC kiểm toán giai đoạn từ 1/11/2016-31/12/2016 (Mẹ và Hợp nhất) của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP

(\*) Không tính % tăng giảm năm 2016 so với năm 2015 do năm 2016 Công ty hoạt động theo hai hình thức Công ty TNHH và Công ty cổ phần

(1) (2) Công ty là doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo hình thức Công ty TNHH Một thành viên chuyển sang công ty cổ phần từ cuối năm 2016, do đó, cơ cấu cổ đông của Công ty có sự thay đổi sau khi cổ phần hóa, trong đó, Nhà nước chỉ còn chiếm 40% vốn điều lệ. Từ thời điểm trở thành công ty cổ phần thì lợi nhuận mà Công ty mẹ được nhận sẽ giảm và lợi ích của cổ đông không kiểm soát sẽ tăng lên.

## **7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo**

### **❖ Khó khăn**

- Theo thông cáo của Tổng cục Thống kê Việt Nam, mức tăng trưởng GDP năm 2016 tuy chỉ đạt 6,21% thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công và mức tăng trưởng này đã vượt dự đoán 6% mà Ngân hàng Thế giới đưa ra.
- Sự cạnh tranh trong lĩnh vực xây dựng ngày càng cao do có nhiều đơn vị kinh doanh cùng ngành với Công ty ra đời. Từ đó làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Biến động mạnh của giá nguyên vật liệu, lãi suất cho vay trong các năm qua làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của CC1.
- Cắt giảm đầu tư công và sự đóng băng của thị trường bất động sản khiến cho một số dự án chưa triển khai được theo kế hoạch trong khi các nguồn lực đã được huy động vào đầu tư một phần dự án.
- Vốn chủ sở hữu của CC1 hiện còn thấp so với nhu cầu vốn tài trợ cho quy mô sản xuất kinh doanh. Nhưng nhờ uy tín thương hiệu và năng lực chuyên môn cao của đội ngũ người lao động, CC1 vẫn có khả năng đáp ứng được tiêu chuẩn cao trong công tác xây dựng, đầu tư vào các công trình, dự án lớn trọng điểm. Đây cũng là rào cản khiến CC1 chưa phát huy hết nội lực để đạt tốc độ tăng trưởng kỳ vọng.

### **❖ Thuận lợi**

- Ngành Xây dựng đã đổi mới cơ chế chính sách tạo môi trường thuận lợi để tăng khả năng tiếp cận vốn, khuyến khích đầu tư, nhất là đối với những doanh nghiệp có triển vọng phát triển, có sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường; tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm.
- Kết cấu cơ sở hạ tầng của Thành phố Hồ Chí Minh luôn được xếp hạng cao trong cả nước

theo thống kê của phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam. Từ đó việc thu hút đầu tư trong thời gian tới của TP.Hồ Chí Minh và khu vực phía Nam có tín hiệu rất tốt, sẽ kéo ngành xây dựng phát triển.

- Với hơn 38 năm kinh nghiệm, CC1 đã đạt được vị trí hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng của Việt Nam, cùng đội ngũ cán bộ hùng hậu gắn bó với sự phát triển của CC1 được đào tạo bài bản trong và ngoài nước.
- Bề dày năng lực thi công cùng biện pháp thi công tối ưu đã đưa tên tuổi của CC1 gắn liền với hàng trăm công trình xây dựng trên cả nước, trong đó có nhiều công trình trọng điểm quốc gia.
- Trong quá trình hình thành và phát triển, CC1 và các đơn vị thành viên đã xây dựng củng cố, thương hiệu và uy tín trên thị trường, được các chủ đầu tư và các nhà thầu trong và ngoài nước tín nhiệm.
- Sự hợp tác với nhiều đối tác nước ngoài cũng giúp công ty trao đổi kiến thức chuyên môn, nâng cao tay nghề nhân công, hiểu rõ cách thức làm việc và phối hợp thuận lợi hơn khi tham gia vào các dự án mang tầm quốc tế.
- CC1 được Nhà nước hỗ trợ bằng các biện pháp như hỗ trợ lãi suất vay vốn tín dụng đối với các khoản vay ngắn và dài hạn; miễn, giảm, giãn nộp thuế...

Tuy nhiên, xác định trước mắt vẫn chưa hết những khó khăn, cả về nội lực lẫn những yếu tố khách quan bên ngoài. Việc hội nhập sâu rộng đòi hỏi doanh nghiệp cần có những tiềm lực mạnh mẽ cả về con người và vật chất đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài. Đánh giá đúng đắn tình hình và xác định giai đoạn khó khăn vẫn còn đang phía trước, Công ty cũng sẽ tiếp tục đặt ra các chính sách định hướng cho từng giai đoạn phát triển tiếp theo.

## **8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **8.1 Vị thế của công ty trong ngành**

Với bề dày kinh nghiệm lâu năm, CC1 luôn được đánh giá là một trong những đơn vị xây dựng hàng đầu tại Việt Nam với vai trò tổng thầu, thiết kế và thi công trong lĩnh vực xây dựng công trình năng lượng, hạ tầng giao thông, dân dụng và công nghiệp với hàng loạt các dự án lớn trong cả nước.

Từ khi thành lập đến nay, CC1 luôn nỗ lực phát triển tối đa năng lực thi công xây dựng thông qua việc trang bị đầy đủ hệ thống máy móc thi công hiện đại, đặc biệt công ty luôn chú trọng đào tạo, đầu tư cho đội ngũ lao động nhằm nâng cao kỹ thuật, kinh nghiệm thi công để có thể tham gia thực hiện các công trình đòi hỏi cao về an toàn lao động, tiến độ thi công và chất lượng công trình.

Kiên định với nghề truyền thống xây lắp công trình thủy điện trong chiến lược phát triển qua từng giai đoạn đổi mới, là nền tảng xây dựng vững chắc để CC1 mở rộng sang các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng các kết cấu hạ tầng cơ sở giao thông, nhà máy nhiệt điện, hạ tầng cơ sở vệ sinh thoát nước tại các tỉnh, thành phố trọng điểm phía Nam. Nâng tầm vị thế của CC1 trong ngành đáng kể là các công trình trọng điểm quốc gia mà CC1 tham gia đấu thầu quốc tế và đã trúng thầu xây dựng như Nhà máy xi măng Sao Mai Holcim, Nhà máy nước Sông Sài Gòn, ...

Vị thế hàng đầu của CC1 không những được ghi nhận qua dấu ấn các công trình trọng điểm mà còn là thành quả của các dự án thành công, đảm bảo chất lượng với phương châm Uy Tín – Chất

Lượng – Hiệu Quả. CC1 luôn tạo dựng mối quan hệ chặt chẽ với chủ đầu tư, phối hợp nhịp nhàng với các đơn vị tư vấn và các nhà thầu phụ nhằm hướng tới chỉ tiêu chí hàng đầu là khai thác hiệu quả tổng thể các nguồn lực nhằm đảm bảo chất lượng và nâng cao uy tín thương hiệu qua từng công trình, dự án mà CC1 tham gia thực hiện. Hầu hết những công trình mà CC1 đã tham gia đều được đánh giá là những công trình có chất lượng cao và nhiều công trình trong số đó được vinh danh nhận giải “Cúp vàng công trình chất lượng cao” của Bộ Xây dựng trao tặng

Lượng hóa vị thế của CC1 trong ngành thông qua giá trị sản lượng được trình bày theo bảng sau, giá trị sản lượng hoạt động xây lắp của CC1 thực hiện hàng năm chiếm thị phần khoảng từ 2,1% đến 3,1% so với tổng giá trị sản lượng xây dựng của cả nước

**Bảng 9: Giá trị sản lượng xây dựng qua các năm**

| TT | Chỉ tiêu                                                       | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 |
|----|----------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|
| 1  | Tổng giá trị sản lượng ngành xây dựng của Việt Nam             | 191.631  | 209.875  | 224.728  |
| 2  | Tổng giá trị sản lượng Xây lắp của CC1                         | 3.978    | 5.853    | 6.869    |
|    | Trong đó:                                                      |          |          |          |
| -  | Công trình hạ tầng kỹ thuật và giao thông                      | 827      | 973      | 1.187    |
| -  | Công trình năng lượng                                          | 433      | 2.540    | 2.954    |
| -  | Công trình dân dụng và công nghiệp                             | 2.718    | 2.340    | 1.187    |
| 3  | Tỷ lệ thực hiện của CC1 so với giá trị Xây dựng cả nước (=2/1) | 2,1%     | 2,8%     | 3,1%     |

Nguồn: CC1, Vietnam Infrastructure Report, BMI

## 8.2 Triển vọng phát triển của ngành

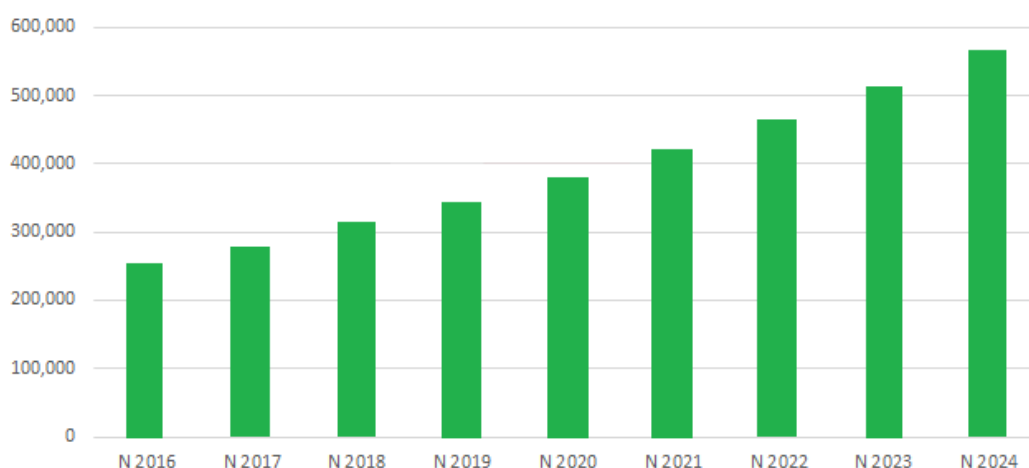
Nền kinh tế vĩ mô phục hồi tốt đã tạo tiền đề cho các ngành kinh tế tăng trưởng. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2016, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,21% so với năm 2015, trong đó ngành xây dựng tăng trưởng khá với tốc độ 10,00%, đóng góp 0,60 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Bên cạnh đó, giá trị sản xuất ngành Xây dựng năm 2015 đạt gần 975 nghìn tỷ đồng (tăng 11,2% so với năm 2014). Với sự hỗ trợ của chính phủ, sự cải tiến trong chính sách, sự tăng trưởng của nền kinh tế và quá trình hội nhập quốc tế... ngành xây dựng trong nước hiện đang đánh giá là có nhiều tiềm năng phát triển trong cả 3 lĩnh vực hoạt động chính bao gồm xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng.

- ❖ **Lĩnh vực xây dựng dân dụng:** được hỗ trợ bởi Luật Nhà ở 2014 cho phép người nước ngoài mua nhà ở tại Việt Nam, đã tạo lực đẩy cho sự phát triển thị trường bất động sản Việt Nam. Việc nới lỏng chính sách đã tạo nên một lực cầu lớn trong phân khúc nhà cao cấp, theo đó nhiều dự án quy mô lớn sẽ được đưa vào triển khai. Ngoài ra, những năm gần đây tình hình kinh tế nước ta ngày càng được cải thiện, lãi suất cơ bản có xu hướng giảm và ổn định, các chính sách kích cầu của Chính phủ cũng giúp cho tình hình thị trường bất động sản dần ấm lên.
- ❖ **Lĩnh vực xây dựng công nghiệp:** lượng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp sản xuất luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu vốn FDI (40-50%) tương đương với lượng giải ngân trung bình 4-5 tỷ USD/năm. Thông qua Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)

cùng với những cải thiện về hệ thống logistics và môi trường kinh doanh hỗ trợ ngành xây dựng công nghiệp tăng trưởng khả quan hơn trong những năm tới.

- ❖ **Lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng:** theo thống kê, Việt Nam có khoảng 40% số lượng đường bộ trong hệ thống giao thông có chất lượng thấp và rất thấp. Do đó, lượng vốn ước tính cần cho việc nâng cấp hệ thống đường bộ sẽ đạt 48-60 tỷ đồng chỉ đến năm 2020. Ngoài ra, theo Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 08/01/2009 về việc Phê duyệt đề án Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, Chính Phủ cũng đã lên kế hoạch đến năm 2020 sẽ có 26 sân bay được đưa vào khai thác, sử dụng. Trong đó, nổi bật nhất là dự án sân bay Quốc Tế Long Thành (Đồng Nai) với tổng vốn đầu tư vào khoảng 10 tỷ USD. Bên cạnh đó, việc ký kết Hiệp định thương mại tự do trong những năm tới sẽ kích thích gia tăng đầu tư nước ngoài vào nước ta, những nguồn vốn đầu tư này sẽ giúp tăng nhu cầu thi công hạ tầng, sử dụng vật liệu xây dựng trong nước, góp phần giúp thị trường này trở lên sôi động hơn. Ngoài ra, một số cải tiến trong chính sách của Nhà nước đang tạo ra những tác động tích cực đối với ngành xây dựng cơ sở hạ tầng như Luật Đấu thầu 2013 và Nghị định 63/2014/NĐ-CP quy định, nhà thầu ngoại phải liên doanh hoặc ký hợp đồng với nhà thầu phụ Việt Nam không thấp hơn 30% giá trị gói thầu về tư vấn, xây dựng và hỗn hợp. Điều này hứa hẹn cải thiện khả năng cạnh tranh của nhà thầu trong nước cũng như tăng tính minh bạch trong đấu thầu dự án. Các công ty xây dựng trong nước có nhiều cơ hội tham gia vào các dự án do Nhà nước đầu tư. Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 sẽ nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, khắc phục tình trạng nợ đọng và tăng tính minh bạch trong phân bổ nguồn lực Nhà nước. Việc tạo ra cơ chế để giải quyết nợ đọng xây dựng cơ bản sẽ giải quyết được vấn đề dòng tiền cho không ít doanh nghiệp. Nghị định 15/2015/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) chính thức được ban hành Nghị định 15/2015/NĐ-CP quy định về các điều khoản hợp tác, cơ chế thực hiện dự án rõ ràng, thông thoáng, nhằm khuyến khích tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư vào các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế -xã hội và cung cấp dịch vụ công. Qua đó, các chính sách này được xem là động lực tăng trưởng quan trọng đối với ngành xây dựng trong năm 2015. Đáng chú ý, nhu cầu đầu tư cho cơ sở hạ tầng trong năm 2015 được dự báo tiếp tục tăng mạnh. Trong đó, Chính phủ sẽ tập trung phân bổ vốn cho các dự án trọng điểm như đường sắt, cảng hàng không, qua đó tác động tích cực đến ngành xây dựng.

**Dự báo giá trị xây dựng Việt Nam giai đoạn 2016 – 2024, tỷ VNĐ**



Nguồn: Số liệu báo cáo BMI

**9. Chính sách đối với người lao động****9.1 Số lượng lao động và cơ cấu lao động**

Số người lao động trong Công ty: Tính đến ngày 31/12/2016, số lao động trong danh sách của Công ty là 722 người. Trong đó:

**Bảng 10: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2016**

| TT        | Trình độ                | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
|-----------|-------------------------|----------|-----------|
| 1.        | Đại học trở lên         | 427      | 59,14%    |
| 2.        | Cao đẳng                | 105      | 14,54%    |
| 3.        | Trung học chuyên nghiệp | 53       | 7,34%     |
| 4.        | Sơ cấp                  | 56       | 7,76%     |
| 5.        | Công nhân kỹ thuật      | 72       | 9,97%     |
| 6.        | Chưa qua đào tạo        | 9        | 1,25%     |
| Tổng cộng |                         | 722      | 100%      |

*Nguồn: Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP*

**9.2 Các chính sách đối với lao động**

Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP thực hiện nghiêm chỉnh Bộ luật Lao động của Nhà nước Việt Nam, đảm bảo quyền lợi cho người lao động thông qua việc ký kết hợp đồng với từng người lao động của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện đúng việc nộp và thanh toán đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định.

Người lao động được trả lương theo định mức khoán sản phẩm, thu nhập đủ đảm bảo cuộc sống, các chế độ cho người lao động được thanh toán đầy đủ theo quy định của nhà nước. Trong quá trình làm việc, công tác, xét thấy có năng lực và trách nhiệm cao thì sẽ được xem xét nâng bậc lương hoặc hưởng thêm phụ cấp.

Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ thực tế và đánh giá năng lực của người lao động mà Công ty sẽ lập danh sách cho người lao động đi đào tạo bồi dưỡng các khoá học để nâng cao tay nghề phục vụ cho Công ty.

Khen thưởng kịp thời cho những ý tưởng, sáng kiến của người lao động trong quá trình lao động mang lại hiệu quả cho Công ty.

**Bảng 11: Mức thu nhập bình quân của Cán bộ công nhân viên qua các năm**

| TT | Năm          | Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) |
|----|--------------|---------------------------------------|
| 1. | 2014         | 7.500.000                             |
| 2. | 2015         | 8.000.000                             |
| 3. | 2016         | 8.400.000                             |
| 4. | 2017 dự kiến | 8.900.000                             |

*Nguồn: Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP*

**10. Chính sách cổ tức**

Ngày 01/11/2016, Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301429113; do đó chính sách chi trả cổ tức của Công ty mới ban hành căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Số 1 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 10/10/2016, trong đó:

- Công ty chi trả cổ tức cho các cổ đông theo kết quả hoạt động kinh doanh, sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Trong khi thanh toán số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp sau, Cổ đông sẽ được chia cổ tức theo phần vốn góp.

Năm 2016, tỷ lệ chi trả cổ tức của Tổng Công ty Xây dựng Số 1-CTCP là 0% trên Vốn điều lệ.

**11. Tình hình tài chính****11.1 Các chỉ tiêu cơ bản****a. Trích khấu hao tài sản cố định**

- Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá TSCĐ hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).
- Khấu hao TSCĐ hữu hình của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.
- Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:
  - Nhà cửa và vật kiến trúc: 20 – 25 năm
  - Máy móc, thiết bị: 03 – 08 năm
  - Phương tiện vận tải truyền dẫn: 05 – 08 năm
  - Thiết bị và dụng cụ quản lý: 02 – 05 năm
  - Tài sản cố định hữu hình khác: 05 năm
- Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.
- Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**b. Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay của Công ty. Đến thời điểm hiện tại Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào.

**c. Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Nhà nước. Các khoản thuế Công ty phải nộp gồm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, các loại thuế khác áp dụng theo luật thuế hiện hành tại Việt Nam ...

**Bảng 12: Số dư các khoản thuế và các khoản phải nộp qua các năm***Đơn vị: triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu                   | 31/12/2015    | 31/12/2016    |
|----|----------------------------|---------------|---------------|
| 1  | Thuế giá trị gia tăng      | 38.269        | 10.681        |
| 2  | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 8.484         | 6.294         |
| 3  | Thuế thu nhập cá nhân      | 1.736         | 3.787         |
| 4  | Thuế tài nguyên            | 9.775         | 0             |
| 5  | Các loại thuế khác         | 3.474         | 212           |
|    | <b>Tổng cộng</b>           | <b>61.737</b> | <b>20.974</b> |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của Tổng Công ty Xây dựng số 1-TNHH MTV và BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn từ 1/11/2016-31/12/2016 của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP

**d. Trích lập các quỹ theo luật định**

Hàng năm, Công ty thực hiện việc trích quỹ đúng và đầy đủ theo pháp luật và theo điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

**Bảng 13: Số dư các quỹ của Công ty qua các năm***Đơn vị: triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu                        | 31/12/2015     | 31/12/2016     |
|----|---------------------------------|----------------|----------------|
| 1  | Quỹ khen thưởng, phúc lợi       | 39.963         | 52.068         |
| 2  | Quỹ đầu tư và phát triển        | 188.834        | 78.778         |
| 3  | Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu   | 12.457         | 0              |
| 4  | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 40.239         | 32.653         |
|    | <b>Tổng cộng</b>                | <b>281.494</b> | <b>163.499</b> |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của Tổng Công ty Xây dựng số 1-TNHH MTV và BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn từ 1/11/2016-31/12/2016 của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP

**e. Tổng dư nợ vay**

Tại thời điểm 31/12/2016, tổng dư nợ vay của Công ty là **4.853.417.845.886 đồng**

**Bảng 14: Tổng dư nợ vay của Công ty**

*Đơn vị: triệu đồng*

| TT        | Tên Ngân hàng                           | 31/12/2015       | 31/12/2016       |
|-----------|-----------------------------------------|------------------|------------------|
| <b>I</b>  | <b>Vay ngắn hạn</b>                     | <b>1.890.776</b> | <b>2.463.803</b> |
| -         | Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam  | 832.955          | 622.900          |
| -         | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội           | 81.408           | 557.049          |
| -         | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam     | 713.940          | 1.075.836        |
| -         | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam    | 46.680           | 189.148          |
| -         | Vay đối tượng khác                      | 42.795           | 11.065           |
| -         | Nợ thuê tài chính đến hạn trả           | 0                | 1.073            |
| -         | Nợ dài hạn đến hạn trả                  | 172.998          | 6.732            |
| <b>II</b> | <b>Vay dài hạn</b>                      | <b>3.196.161</b> | <b>2.389.615</b> |
| -         | Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam  | 51.155           | 160.041          |
| -         | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội           | 891.672          | 632.518          |
| -         | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam     | 1.406.477        | 111.509          |
| -         | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam    | 139.664          | 171.761          |
| -         | Ngân hàng Phát triển Việt Nam (Vay ADB) | 0                | 1.313.786        |
| -         | Vay đối tượng khác                      | 6.200            | 0                |
| -         | Trái phiếu phát hành                    | 700.000          | 0                |
| -         | Nợ thuê tài chính                       | 993              | 0                |
|           | <b>Tổng cộng</b>                        | <b>5.086.937</b> | <b>4.853.418</b> |

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của Tổng Công ty Xây dựng số 1-TNHH MTV và BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn từ 1/11/2016-31/12/2016 của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP*

**f. Tình hình công nợ**

- Các khoản phải thu

**Bảng 15: Các khoản phải thu của Công ty**

Đơn vị: triệu đồng

| TT               | Chỉ tiêu                     | 31/12/2015       | 31/12/2016       |
|------------------|------------------------------|------------------|------------------|
| <b>I</b>         | <b>Phải thu ngắn hạn</b>     | <b>1.944.747</b> | <b>2.237.850</b> |
| 1                | Phải thu khách hàng          | 1.419.135        | 1.107.285        |
| 2                | Trả trước người bán          | 396.655          | 995.433          |
| 3                | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 0                | 0                |
| 4                | Phải thu khác <sup>(1)</sup> | 137.007          | 142.497          |
| 5                | Dự phòng nợ khó đòi          | -8.050           | -7.365           |
| <b>II</b>        | <b>Phải thu dài hạn</b>      | <b>73.989</b>    | <b>173.730</b>   |
| 1                | Phải thu về cho vay dài hạn  | 0                | 59.631           |
| 2                | Phải thu dài hạn khác        | 73.989           | 114.099          |
| <b>Tổng cộng</b> |                              | <b>2.018.736</b> | <b>2.411.580</b> |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của Tổng Công ty Xây dựng số 1-TNHH MTV và BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn từ 1/11/2016-31/12/2016 của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP

- Các khoản phải trả:

**Bảng 16: Các khoản phải trả**

Đơn vị: triệu đồng

| TT        | Chỉ tiêu                            | 31/12/2015       | 31/12/2016       |
|-----------|-------------------------------------|------------------|------------------|
| <b>I</b>  | <b>Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>4.338.614</b> | <b>4.276.563</b> |
| 1         | Phải trả người bán                  | 715.523          | 754.432          |
| 2         | Người mua trả tiền trước            | 1.272.219        | 647.159          |
| 3         | Thuế và các khoản phải trả Nhà nước | 61.737           | 20.974           |
| 4         | Phải trả người lao động             | 63.395           | 60.362           |
| 5         | Chi phí phải trả                    | 257.672          | 236.870          |
| 6         | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn   | 1.890.775        | 2.463.803        |
| 7         | Phải trả khác                       | 37.330           | 40.895           |
| 8         | Quỹ khen thưởng, phúc lợi           | 39.963           | 52.068           |
| <b>II</b> | <b>Nợ dài hạn</b>                   | <b>3.921.517</b> | <b>3.353.512</b> |
| 1         | Phải trả nhà cung cấp dài hạn       | 201.071          | 159.067          |

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

|                  |                           |                  |                  |
|------------------|---------------------------|------------------|------------------|
| 2                | Người mua trả tiền trước  | 0                | 203.327          |
| 3                | Chi phí phải trả          | 119.556          | 49.593           |
| 4                | Phải trả dài hạn khác     | 250.278          | 414.243          |
| 5                | Vay dài hạn               | 3.196.161        | 2.389.615        |
| 6                | Dự phòng phải trả dài hạn | 18.653           | 76.773           |
| 7                | Doanh thu chưa thực hiện  | 135.797          | 60.894           |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>8.260.131</b> | <b>7.630.075</b> |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của Tổng Công ty Xây dựng số 1-TNHH MTV và BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn từ 1/11/2016-31/12/2016 của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP

- Đầu tư tài chính ngắn hạn

- **Bảng 17: Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

| TT               | Chỉ tiêu                        | 31/12/2015     | 31/12/2016     |
|------------------|---------------------------------|----------------|----------------|
| 1                | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 256.447        | 334.534        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                 | <b>256.447</b> | <b>334.534</b> |

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn còn lại từ 01 tháng đến 11 tháng tại thời điểm 31/12/2016 với lãi suất từ 4,3% năm đến 6,4%/ năm.

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đã dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam với giá trị tiền gửi thế chấp là 1.000.000.000 VND và khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Bến Thành với giá trị tiền gửi thế chấp là 100.000.000.000 VND.

- Đầu tư tài chính dài hạn khác

**Bảng 18: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác**

Đơn vị: triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu                                                 | 31/12/2015 | 31/12/2016 |
|----|----------------------------------------------------------|------------|------------|
| 1  | Công ty CP Xây dựng Miền Đông                            | 11.366     | 19.996     |
| 2  | Công ty CP Xây dựng Số 1 Việt Hòa                        | 2.375      | 2.141      |
| 3  | Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng        | 12.765     | 13.194     |
| 4  | Công ty TNHH Đầu tư BT Cam Lộ Túy Loan                   | 24.500     | 32.648     |
| 5  | Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Việt Hưng Thịnh | 0          | 2.711      |

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

|                  |                                                          |                |               |
|------------------|----------------------------------------------------------|----------------|---------------|
| 6                | Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Việt Hưng Thành | 0              | 3.200         |
| 7                | Công ty CP Đầu tư Nhân Phúc Đức                          | 61.791         | 0             |
| 8                | Công ty TNHH BT Đúc sẵn VINA-PSMC                        | 10.500         | 0             |
| 9                | Công ty Liên doanh Lenex                                 | 12.601         | 0             |
| 10               | Các khoản đầu tư khác                                    | 660            | 0             |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                          | <b>136.558</b> | <b>73.891</b> |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của Tổng Công ty Xây dựng số 1-TNHH MTV và BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn từ 1/11/2016-31/12/2016 của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP

**11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu****Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| Chỉ tiêu                                                          | ĐVT  | Năm 2015 | 01/01/2016 – 31/10/2016 | 01/11/2016 – 31/12/2016 |
|-------------------------------------------------------------------|------|----------|-------------------------|-------------------------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                            |      |          |                         |                         |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)                    | Lần  | 1,08     | 1,23                    | 1,20                    |
| - Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)      | Lần  | 0,81     | 1,03                    | 0,93                    |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                     |      |          |                         |                         |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                           | %    | 78,86%   | 80,46%                  | 81,18%                  |
| - Hệ số nợ/Vốn CSH                                                | %    | 373,12%  | 411,86%                 | 431,28%                 |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                             |      |          |                         |                         |
| - Vòng quay hàng tồn kho(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | Vòng | 5,15     | 6,43                    | 0,96                    |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân                          | Vòng | 0,56     | 0,63                    | 0,11                    |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                              |      |          |                         |                         |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                        | %    | 5,33%    | 2,79%                   | 5,45%                   |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân              | %    | 15,01%   | 2,37%                   | 2,99%                   |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân                | %    | 1,57%    | 0,4%                    | 0,49%                   |
| - Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần                         | %    | 5,09%    | 3,32%                   | 5,01%                   |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của Tổng Công ty Xây dựng số 1-TNHH MTV và BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn từ 1/11/2016-31/12/2016 của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP

**12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của Công ty)****12.1 Đất đai**

Tại thời điểm 31/12/2016, CC1 quản lý 06 cơ sở đất với tổng diện tích 460.803 m<sup>2</sup>, được phân loại như sau:

**Bảng 20: Các khu đất mà Công ty đang quản lý**

| Tên/<br>Địa điểm khu đất                                                                                       | Diện tích<br>(m <sup>2</sup> ) | Hình<br>thức<br>sử<br>dụng | Thời hạn<br>sử dụng<br>đất | Mục đích<br>sử dụng đất                                                                                                                                            | Hồ sơ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>ĐẤT ĐAI TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b>                                                                       |                                |                            |                            |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 1. TÒA NHÀ<br>SAILING TOWER<br>51 Nguyễn Thị<br>Minh Khai, Quận<br>1, Tp.HCM                                   | 2.964                          | Diện tích<br>được giao     | Lâu dài                    | Cao ốc văn<br>phòng cho<br>thuê, căn hộ<br>thương mại                                                                                                              | + GCNQSDĐ số V909564<br>ngày 12/11/2004, đất thuê<br>50 năm kể từ ngày<br>1/1/1996 (CC1 đang làm<br>thủ tục chuyển sang giao<br>đất lâu dài)<br>+ Văn bản số 3593/UBND-<br>ĐT ngày 2/6/2006 của<br>UBND TP.HCM vv phê<br>duyet bán chỉ định cho<br>CC1.                                                                                                                                                |
| 2. KHU DÂN<br>CƯ HẠNH PHÚC<br>Lô 11B Khu đô thị<br>mới nam TP, xã<br>Bình Hưng, huyện<br>Bình Chánh,<br>Tp.HCM | 422.100                        | Diện tích<br>được giao     | Lâu dài                    | Xây dựng<br>Khu nhà ở<br>trên khu đất<br>88.938 m <sup>2</sup> và<br>tiếp tục bồi<br>thường giải<br>phóng mặt<br>bằng cho<br>tổng thể diện<br>tích đất tạm<br>giao | + Quyết định số 3208/QĐ-<br>UB ngày 30/6/2004 của<br>UBND TPHCM vv tạm<br>giao đất cho CC1 để đầu<br>tư xây dựng khu dân cư<br>+ Giấy chứng nhận đầu tư<br>số 41111000001 ngày<br>9/1/2008 của UBND<br>TP.HCM vv thực hiện dự<br>án Đầu tư xây dựng khu<br>dân cư Hạnh Phúc<br>+ Công văn số 2339/BXD-<br>KHTC ngày 24/9/2014 của<br>Bộ Xây dựng gửi UBND<br>TPHCM vv Phương án sử<br>dụng đất sau CPH |

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

|                                                                                                                     |         |                     |                   |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3. TRƯỜNG CÔNG NHÂN KỸ THUẬT<br>Thửa 564, bản đồ số 1, đường Nguyễn Văn Dung, Phường 6, Quận Gò Vấp, Tp.HCM         | 2.931,6 | Diện tích được giao | Lâu dài           | Đất trống, tạm làm kho vật tư CC1 và văn phòng Ban điều hành công trường | + GCNQSDĐ số V868823 ngày 10/4/2003, đất thuê hết hạn ngày 26/12/2046.<br>+ Hợp đồng thuê đất số 8825/HĐTD-QHSDĐ ngày 27/12/2004 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường (CC1 đang làm thủ tục chuyển sang giao đất lâu dài)<br>+ Quyết định số 793/QĐ-BXD ngày 8/7/2014 v/v Chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch Thành phố                                                                           |
| 4. TRẠM TRỘN BÊ TÔNG<br>Km 7, Xa lộ Hà Nội, P.Trường Thọ, Q.Thủ Đức, Tp.HCM                                         | 9.927,4 | Diện tích được thuê | Trả tiền hàng năm | Trạm trộn Bê tông, trụ sở Công ty Mê Kông                                | + Giấy phép sử dụng đất số 468/GPCD-92 ngày 20/5/1992 của UBND TPHCM, quy hoạch sử dụng đến 2020 (CC1 đang lập hồ sơ thuê đất và xin cấp giấy CNĐKKĐ).<br>+ Quyết định số 793/QĐ-BXD ngày 8/7/2014 v/v cho phép CC1 tiếp tục quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất theo quy hoạch Thành phố.<br>+ Công văn số 2339/BXD-KHTC ngày 24/9/2014 của BXD gửi UBND TPHCM v/v Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa. |
| <b>ĐẤT ĐAI TẠI TỈNH, THÀNH KHÁC</b>                                                                                 |         |                     |                   |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 5. KHU NHÀ Ở PHÚ MỸ<br>Số 23/2 đường khu II, thôn Ngọc Hà, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | 880     | Diện tích được giao | Lâu dài           | Văn phòng, lán trại công trường và kho lưu trữ tài liệu                  | +GCNQSDĐ số 00143QSDĐ/4528/QĐ-UB ngày 16/10/2000 của UBND Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.<br>+ Công văn số 2339/BXD-KHTC ngày 24/9/2014 của BXD gửi UBND Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu v/v Phương án sử dụng đất sau CPH                                                                                                                                                                                                  |

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

|                                                                     |        |                     |         |                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---------------------------------------------------------------------|--------|---------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6. KHU DÂN CƯ SINH THÁI PHƯỚC CƠ<br>Phường 12, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu | 22.000 | Diện tích được giao | Lâu dài | Đất trống, đang tiến hành thủ tục thực hiện dự án Đầu tư xây dựng dự án Khu dân cư sinh thái | + Quyết định tạm giao đất số 1333/QĐ.UBT ngày 17/12/1992 của UBND Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.<br>+ Công văn số 154/SXD-KTQH ngày 29/1/2011 của Sở Xây Dựng gửi UBND Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu v/v đề nghị tiếp tục cho triển khai thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt đồ án QHCT 1/500 Khu dân cư sinh thái Phước Cơ |
|---------------------------------------------------------------------|--------|---------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Nguồn: CC1

**12.2 Nhà xưởng và tài sản khác:****Bảng 21: Danh sách tài sản cố định của Công ty**

Đơn vị: triệu đồng

| TT         | Chi tiêu                            | 31/12/2015       |                  |                       | 31/12/2016     |                |                       |
|------------|-------------------------------------|------------------|------------------|-----------------------|----------------|----------------|-----------------------|
|            |                                     | Nguyên giá       | GTCL             | GTCL / Nguyên giá (%) | Nguyên giá     | GTCL           | GTCL / Nguyên giá (%) |
| <b>I</b>   | <b>Tài sản cố định hữu hình</b>     | <b>3.672.539</b> | <b>2.805.062</b> | <b>76,38%</b>         | <b>662.826</b> | <b>380.697</b> | <b>57,44%</b>         |
| 1          | Nhà cửa, vật kiến trúc              | 2.406.403        | 1.937.924        | 80,53%                | 314.098        | 235.192        | 74,88%                |
| 2          | Máy móc, thiết bị                   | 1.113.889        | 774.871          | 69,56%                | 195.944        | 68.386         | 34,90%                |
| 3          | Phương tiện vận tải, truyền dẫn     | 130.815          | 86.289           | 65,96%                | 129.803        | 71.439         | 55,04%                |
| 4          | Thiết bị dụng cụ quản lý            | 4.536            | 1.857            | 40,94%                | 6.162          | 2.905          | 47,14%                |
| 5          | TSCĐ hữu hình khác                  | 16.897           | 4.121            | 24,39%                | 16.820         | 2.775          | 16,50%                |
| <b>II</b>  | <b>Tài sản thuê tài chính</b>       | <b>3.731</b>     | <b>2.790</b>     | <b>74,78%</b>         | <b>3.731</b>   | <b>2.168</b>   | <b>58,11%</b>         |
| 1          | Thuê tài chính                      | 3.731            | 2.790            | 74,78%                | 3.731          | 2.168          | 58,11%                |
| <b>III</b> | <b>Tài sản cố định vô hình</b>      | <b>567.737</b>   | <b>465.001</b>   | <b>81,90%</b>         | <b>128.012</b> | <b>105.461</b> | <b>82,38%</b>         |
| 1          | Quyền sử dụng đất                   | 113.830          | 99.955           | 87,81%                | 120.213        | 100.222        | 83,37%                |
| 2          | Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng | 453.492          | 364.962          | 80,48%                | 0              | 0              | -                     |
| 3          | Phần mềm máy tính                   | 415              | 84               | 20,26%                | 7.798          | 5.239          | 67,18%                |
|            | <b>Tổng</b>                         | <b>4.244.007</b> | <b>3.272.852</b> | <b>77,12%</b>         | <b>794.569</b> | <b>488.326</b> | <b>61,46%</b>         |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của Tổng Công ty Xây dựng số 1-TNHH MTV và BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn từ 1/11/2016-31/12/2016 của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

**Bảng 22: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Đơn vị: triệu đồng

| TT               | Chỉ tiêu                                                   | 31/12/2015       | 31/12/2016       |
|------------------|------------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| 1                | Mua sắm tài sản cố định                                    | 2.219            | 8.379            |
| 2                | Dự án Khu dân cư Hạnh Phúc                                 | 498.256          | 787.725          |
| 3                | Dự án nối Quốc lộ 1 - Quốc lộ 51 - Quốc lộ 1K - Cầu An Hảo | 0                | 195.637          |
| 4                | Dự án BOT Cầu Đồng Nai                                     | 1.602.964        | 1.651.889        |
| 5                | Dự án Cao ốc Sailing Tower - 51 Nguyễn Thị Minh Khai       | 14.947           | 14.947           |
| 6                | Dự án Chung cư Felix Homes                                 | 0                | 12.630           |
| 7                | Đầu tư nâng cấp nhà xưởng                                  | 0                | 13.593           |
| 8                | Chi phí quản lý dự án                                      | 28.744           | 23.492           |
| 9                | Thủy điện CAMLY                                            | 0                | 3.113            |
| 10               | CT DD HTKT Tuyển Tránh Đồng Nai - Bình Dương               | 7.829            | 0                |
| 11               | Dự án Cầu Thái Hà                                          | 6.222            | 0                |
| 12               | Dự án Trường công nhân kỹ thuật                            | 5.936            | 0                |
| 13               | Xây dựng Văn phòng Công ty                                 | 6.523            | 12.914           |
| 14               | Dự án khác                                                 | 15.832           | 19.782           |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                            | <b>2.189.471</b> | <b>2.744.101</b> |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2015 của Tổng Công ty Xây dựng số 1-TNHH MTV và BCTC hợp nhất kiểm toán giai đoạn từ 1/11/2016-31/12/2016 của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP

**13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty mẹ ("CC1") năm 2017-2018****Bảng 23: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu           | Năm 2017 |                      | Năm 2018 |                  |
|--------------------|----------|----------------------|----------|------------------|
|                    | Kế hoạch | %so với năm 2016 (*) | Kế hoạch | %so với năm 2017 |
| Vốn điều lệ        | 1.100    | -                    | 1.500    | 36,36%           |
| Doanh thu thuần    | 4.664    | -                    | 4.963    | 6,41%            |
| Lợi nhuận sau thuế | 110      | -                    | 152      | 38,18%           |

## BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

### TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

|                                          |        |   |        |   |
|------------------------------------------|--------|---|--------|---|
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 2,36%  | - | 3,06%  | - |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ     | 10,00% | - | 10,13% | - |
| Cổ tức                                   | 7,5%   | - | 7,6%   | - |

*Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất số 138/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/10/2016 của Tổng Công ty Xây dựng số 1-CTCP.*

*(\*) Không tính % tăng giảm so với năm 2016 vì năm 2016 Công ty hoạt động theo 2 mô hình là Công ty TNHH và Công ty cổ phần.*

#### ❖ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên,**

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh đặt ra trong năm 2017 thấp hơn kết quả đạt được năm 2016, nguyên nhân là do:

- ✓ Một số dự án lớn của Công ty đã hoàn thành và ghi nhận doanh thu trong năm 2016 nên sản lượng phân bổ trong năm 2017 bị giảm đáng kể.
- ✓ Các dự án đầu tư và xây lắp mà Công ty hiện đang triển khai bị vướng thủ tục pháp lý, giải phóng mặt bằng... dẫn đến tiến độ thực hiện chậm; gồm các dự án như: dự án đầu tư đường Duyên hải Hải Phòng - Thái Bình, Dự án điện gió Phan Bi Thành (Bình Thuận), cải tạo nâng cấp đường Nguyễn Hữu Cảnh...
- ✓ Khởi đầu năm 2016, nền kinh tế của Việt Nam gặp khá nhiều khó khăn khi trải qua trận hạn hán tồi tệ nhất trong gần thập kỷ qua. Đến Quý III/2016, những ảnh hưởng của trận hạn hán này bớt dần và tăng trưởng kinh tế từ từ hồi phục. Những biến đổi khí hậu có tác động mạnh mẽ nhiều mặt đến các công trình xây dựng làm chậm tiến độ thực hiện các dự án của Công ty, điển hình là Dự án BT đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn Tuý Loan.
- ✓ Tình hình thế giới năm 2017 dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, kinh tế thế giới có thể khả quan hơn năm 2016 nhưng vẫn phục hồi chậm, không đồng đều và còn nhiều rủi ro. Trong đó ngành Xây dựng châu Á đang có dấu hiệu hạ nhiệt, tiêu biểu là kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm lại đã tác động gián tiếp đến ngành xây dựng nước này. Hàng loạt các ngành hàng, nguyên vật liệu đầu vào chịu ảnh hưởng như xi măng, thép,... Trung Quốc chiếm tỷ trọng lớn không chỉ trong ngành Xây dựng thế giới mà còn ở khu vực châu Á nên ảnh hưởng của Trung Quốc lên thị trường xây dựng khu vực là rất lớn. Trong khi đó, tại khu vực châu Âu và Bắc Mỹ, thị trường Xây dựng tiếp tục giữ nguyên, không tăng trưởng trong nhiều năm qua, do tình hình kinh tế khu vực châu Âu còn nhiều bất ổn và phục hồi không bền vững. Sự ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới chung cũng có tác động không nhỏ đến kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Năm 2018, Công ty dự kiến xây dựng các phương án phát hành cổ phiếu mới trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua, nhằm thu hút các Nhà đầu tư tiềm năng và tăng số lượng cổ đông mới cũng như nâng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng, tạo thêm ảnh hưởng trong mắt khách hàng và nâng cao thể mạnh đối với các đối thủ cạnh tranh.

Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2018 dự kiến tăng 38,18% so với năm 2017 nhờ việc tập trung vào các ngành kinh doanh cốt lõi; mở rộng hoạt động vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp mang lại doanh thu cao; tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro; tối ưu hóa bộ máy để tiết giảm tối đa chi phí quản lý, qua đó gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2018 được xây dựng dựa trên những đánh giá triển vọng, kế hoạch phát triển khả quan của nền kinh tế, cũng như tình hình phát triển các dự án đã được phê duyệt và trên thực tế đã được triển khai thực hiện nhằm đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, kế hoạch kinh doanh của Công ty xây dựng dựa trên định hướng hoạt động của CC1 và kế hoạch tái cấu trúc các đơn vị thành viên nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động, theo đó, kế hoạch đầu tư dự án của CC1 từ năm 2017 – 2018 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Tên dự án                                                                                                           | Quy mô vốn đầu tư dự kiến                            | Thời gian xây dựng | Năm 2017 | Năm 2018 |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------|----------|----------|
| 1   | Dự án BOT Cầu Đồng Nai mới (tỉnh Đồng Nai, Bình Dương)                                                              | 2.970.000<br>Vốn vay và vốn tự có                    | 2008 - 2017        | 280.000  |          |
| 2   | Dự án khu dân cư Hạnh Phúc – Giai đoạn 1 (Lô 11B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP.HCM)                           | 1.277.000<br>(TMĐT đã duyệt)<br>Vốn vay và vốn tự có | 2007 - 2017        | 931.000  |          |
| 3   | Dự án xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn – Túy Loan theo hình thức BT(tỉnh Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng) | 11.485.000<br>Liên danh, CC1 góp vốn 239 tỷ đồng     | 2015 - 2017        | 26.000   |          |
| 4   | Khu dân cư sinh thái Phước Cơ – Vũng Tàu (22ha)                                                                     | 2.000.000<br>Vốn vay và vốn tự có                    | 2017 – 2020        | 25.000   | 200.000  |
| 5   | Dự án điện gió Phan Rí Thành (tỉnh Bình Thuận)                                                                      | 1.305.000<br>Vốn vay và vốn tự có                    | 2016 – 2018        | 385.000  | 900.000  |
| 6   | Nhà ở xã hội – đường Nguyễn Văn Dung – Quận Gò Vấp, TP.HCM                                                          | 218.000<br>Vốn vay và vốn tự có                      | 2016 – 2017        | 158.000  |          |
| 7   | Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công                                                                          | 122.000<br>Vốn vay và vốn tự có                      | 2015 – 2017        | 25.000   |          |

Kế hoạch đầu tư và tài trợ dự án tăng thêm trong kế hoạch 2017 – 2018 tập trung chủ yếu vào kế hoạch phân bổ đầu tư vào danh mục các dự án sau:

Đơn vị: triệu đồng

| Khoản mục                                                       | Năm 2017       | Năm 2018       |
|-----------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Tổng chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dân dụng tăng thêm</b> | <b>363.000</b> | <b>326.000</b> |
| Dự án BOT Cầu Đồng Nai                                          | 56.000         |                |
| Dự án Khu dân cư Hạnh Phúc                                      | 186.000        | 106.000        |
| Khu dân cư sinh thái Phước Cơ – Vũng Tàu                        | 5.000          | 40.000         |
| Dự án điện gió Phan Rí Thành                                    | 77.000         | 180.000        |
| Nhà ở xã hội – đường Nguyễn Văn Dung – Quận Gò Vấp              | 32.000         |                |
| Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị                               | 7.000          |                |

**14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)**

Không có

**15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh**

CC1 sẽ tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm ổn định và phát triển công ty trong điều kiện tình hình kinh tế có nhiều khó khăn và thách thức như hiện tại thông qua các chiến lược như:

❖ **Chiến lược phát triển:**

Phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng với 05 lĩnh vực ngành nghề chính và có hỗ trợ chặt chẽ cho nhau nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động và quy mô của doanh nghiệp

▪ **Tập trung 03 ngành kinh doanh cốt lõi:**

- ✓ Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông, năng lượng và môi trường đô thị
- ✓ Sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm công nghiệp và điện năng;
- ✓ Đầu tư và kinh doanh các dự án hạ tầng giao thông, năng lượng và vệ sinh môi trường theo hình thức PPP.

▪ **Và 2 ngành nghề liên quan để hỗ trợ cho 3 ngành cốt lõi:**

- ✓ Tư vấn xây dựng (bao gồm tư vấn thiết kế, giám sát, đầu tư, kiểm định các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật).
- ✓ Đầu tư và kinh doanh bất động sản (chủ yếu phục vụ cho các chính sách phát triển dịch vụ đô thị và phân khúc thị trường nhà ở cho người có thu nhập thấp và trung bình).

❖ **Kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh**

Để có thể thực hiện và hoàn thành tốt các mục tiêu nhiệm vụ đề ra cho kế hoạch sản xuất kinh

doanh giai đoạn 2016 – 2018, CC1 tập trung thực hiện các giải pháp như sau:

- Tổ chức quản lý tốt và khai thác tối đa lợi ích của việc tham gia chương trình “ Cải cách doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ quản trị công ty”
- Đảm bảo thi công đúng tiến độ những công trình đã trúng thầu. Lấy uy tín và chất lượng làm thước đo giá trị thương hiệu, mong muốn mang đến cho khách hàng sản phẩm là những công trình mang đẳng cấp quốc tế với giá cả cạnh tranh.
- Chuẩn hóa hơn những công tác xây dựng kế hoạch tiếp thị và tiếp tục phát triển thương hiệu “CC1” nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của CC1 trên thị trường.
- Tập trung nhận thầu thi công những công trình có giá trị lớn, nguồn thanh toán rõ ràng để tạo nguồn công việc lâu dài, đảm bảo sự tăng trưởng ổn định cho CC1.
- Mở rộng hoạt động mà CC1 có doanh thu cao từ lĩnh vực sản xuất công nghiệp, đặc biệt là điện năng.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro. Tối ưu hóa bộ máy để tiết giảm tối đa chi phí quản lý, qua đó gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Duy trì và cải tiến liên tục việc áp dụng các quy trình của Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001:2008, ISO 14001:2004, OHSAS 18001:2007 hiện có của CC1.
- Tập trung mạnh hơn vào hoạt động đầu tư các dự án theo hình thức PPP để gia tăng lợi nhuận và chủ động tạo nguồn công việc ổn định.
- Mở rộng hoạt động xây lắp sang thị trường nước ngoài có tiềm năng trong khu vực Đông Nam Á (tập trung vào thị trường Myanmar, malaysia) thông qua:
  - ✓ Xây dựng được đội ngũ kỹ sư và công nhân kỹ thuật có kinh nghiệm làm việc quốc tế;
  - ✓ Cải thiện công nghệ quản lý và hệ thống thông tin nhằm kiểm soát công việc từ xa;
  - ✓ Nâng cao khả năng thu thập thông tin để nghiên cứu, đánh giá và phân tích cơ hội thị trường xây dựng tại nước ngoài;
  - ✓ Chủ động kiểm soát nguồn nguyên vật liệu cung cấp cho các công trình xây dựng tại các quốc gia mà CC1 có hợp đồng xây lắp.

**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty:** Không có

**III. QUẢN TRỊ CÔNG TY****1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng Quản trị****Bảng 24: Danh sách Hội đồng Quản trị**

| TT | Tên               | Chức vụ                         |
|----|-------------------|---------------------------------|
| 1  | Lê Dũng           | Chủ tịch HĐQT không điều hành   |
| 2  | Lê Hữu Việt Đức   | Thành viên HĐQT điều hành       |
| 3  | Nguyễn Công Khai  | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 4  | Nguyễn Đức Dũng   | Thành viên HĐQT điều hành       |
| 5  | Phan Văn Vũ       | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 6  | Nguyễn Quốc Cường | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 7  | Lê Thành          | Thành viên HĐQT không điều hành |

**Ông LÊ DŨNG – Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Họ và tên: LÊ DŨNG

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 09/08/1958

Nơi sinh: Quảng Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: 5/20 Thích Quảng Đức, phường 3, quận Phú Nhuận, TP. HCM

Chứng minh thư nhân dân: Số 022564544 cấp ngày 27/02/2004 tại TP.HCM

Điện thoại liên hệ: (+84-8) 38 222 059

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp

Chức vụ đang nắm giữ tại CC1: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

- Từ 6/1981 đến 3/1984 Kỹ sư – Xí nghiệp Xây dựng số 4 - Cty Xây dựng số 14
- Từ 4/1984 đến 1/1987 Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 4 - Cty XD số 14
- Từ 2/1987 đến 6/1987 Phó Phòng thi công - Cty XD Thủy điện Trị An - Tổng công ty Xây dựng số 1
- Từ 7/1987 đến 9/1990 Trưởng Phòng thi công - Cty Xây dựng Thủy điện Trị An - Tổng công ty Xây dựng số 1

## BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

### TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

---

- Từ 10/1990 đến 12/1992 Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 1 - Cty Xây dựng số 5 - Tổng công ty Xây dựng số 1
  - Từ 01/1993 đến 6/1993 Quyền Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 1 - Cty Xây dựng số 5 - Tổng công ty Xây dựng số 1
  - Từ 7/1993 đến 11/1999 Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 1 - Cty Xây dựng số 5 - Tổng công ty Xây dựng số 1
  - Từ 12/1999 đến 3/2002 Trưởng Phòng Kỹ thuật thi công - Cty Xây dựng số 5 - Tổng công ty Xây dựng số 1
  - Từ 4/2002 đến 8/2003 Phó Phòng Kỹ thuật đấu thầu - Tổng công ty Xây dựng số 1
  - Từ 8/2003 đến 11/2003 Phó Ban quản lý dự án NM Xi măng Phương Nam - Tổng công ty Xây dựng số 1
  - Từ 12/2003 đến 4/2004 Công tác biệt phái tại Tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo Nhà nước các Dự án trọng điểm về dầu khí
  - Từ 5/2004 đến 2/2005 Phó Phòng Kỹ thuật đấu thầu - Tổng công ty Xây dựng số 1
  - Từ 3/2005 đến 10/2006 Trưởng Ban điều hành dự án NM Xi măng Chinfon - Tổng công ty Xây dựng số 1
  - Từ 11/2006 đến 4/2007 Phó Giám đốc Ban quản lý dự án Thủy điện Đăk'rthi - Tổng công ty Xây dựng số 1
  - Từ 4/2007 đến 10/2007 Quyền Giám đốc Ban quản lý dự án Thủy điện Đăk'rthi - Tổng công ty Xây dựng số 1
  - Từ 10/2007 đến 7/2013: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Xây dựng số 1
  - Từ 08/2013 đến 10/2016: Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Xây dựng Số 1 - TNHH Một thành viên
  - Từ 11/2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán trong Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP:
- Sở hữu cá nhân: 4.800 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,005%
  - Sở hữu đại diện cho CTCP 20.900.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 19%
- Đầu tư Xây dựng Tuần Lọc:
- Sở hữu chứng khoán của người liên quan: Không có
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

#### **Ông LÊ HỮU VIỆT ĐỨC – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên: LÊ HỮU VIỆT ĐỨC  
Giới tính: Nam  
Ngày tháng năm sinh: 24/03/1959  
Nơi sinh: Quảng Bình

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: 30/8 Thích Quảng Đức, phường 5, quận Phú Nhuận, TP.HCM

Chứng minh thư nhân dân: Số 022010889 cấp ngày 03/04/2015 tại CA TP.HCM

Điện thoại liên hệ: (+84-8) 38 222 059

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kết cấu công trình

Chức vụ đang nắm giữ tại CC1: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

- Từ 9/1982 đến 2/1985: Cán bộ kỹ thuật, Đội trưởng sản xuất Xí nghiệp Xây dựng số 3- Công ty xây dựng số 14 – Tổng Cty Xây dựng số 1 – Bộ Xây dựng
- Từ 3/1985 đến 9/1986: Trưởng Phòng Kỹ thuật Xí nghiệp Xây dựng số 3 – Công ty xây dựng số 14 – Tổng Cty Xây dựng số 1 – Bộ Xây dựng
- Từ 10/1986 đến 3/1993: Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 3 – Công ty Xây dựng số 14 - Tổng Cty Xây dựng số 1 – Bộ Xây dựng
- Từ 4/1993 đến 7/1994: Trưởng Phòng kỹ thuật Công ty Xây dựng số 14 - Tổng Cty Xây dựng số 1 – Bộ Xây dựng
- Từ 8/1994 đến 9/1998: Phó Giám đốc Công ty Xây dựng số 14 - Tổng Cty Xây dựng số 1 – Bộ Xây dựng
- Từ 10/1998 đến 5/2001: Trưởng Phòng kỹ thuật Tổng Cty Xây dựng số 1 – Bộ Xây dựng
- Từ 5/2001 đến 5/2012: Phó Tổng Giám đốc Tổng Cty Xây dựng số 1 – TNHH MTV Bộ Xây dựng
- Từ 06/2012 đến 10/2016: Thành viên Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Xây dựng Số 1 - TNHH Một thành viên
- Từ 11/2016 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán trong Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

- Sở hữu cá nhân: 7.900 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,008%

- Sở hữu đại diện vốn nhà nước của Bộ Xây dựng: 18.183.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 16,53%

Sở hữu chứng khoán của người liên quan

| STT | Họ và tên        | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu CC1 đang nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|------------------|-------------|------------------------------------|---------------|
| 1   | Lê Việt Đức Hưng | Con         | 2.000                              | 0,01%         |

Các khoản nợ với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

**Ông NGUYỄN CÔNG KHAI – Thành viên Hội đồng Quản trị**

|                                            |                                                                                                |
|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Họ và tên:                                 | NGUYỄN CÔNG KHAI                                                                               |
| Giới tính:                                 | Nam                                                                                            |
| Ngày tháng năm sinh:                       | 01/09/1958                                                                                     |
| Nơi sinh:                                  | Nghệ An                                                                                        |
| Quốc tịch:                                 | Việt Nam                                                                                       |
| Hộ khẩu thường trú:                        | 289/B8 Nơ Trang Long, P. 13, Q. Bình Thạnh TPHCM                                               |
| Chứng minh thư nhân dân:                   | Số 022640063 cấp ngày 19/11/2011 tại CA TP. HCM                                                |
| Điện thoại liên hệ:                        | (+84-8) 38 222 059                                                                             |
| Trình độ chuyên môn:                       | Kỹ sư xây dựng                                                                                 |
| Chức vụ đang nắm giữ tại CC1:              | Thành viên Hội đồng Quản trị                                                                   |
| Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: | Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Cty CP Xây dựng Miền Đông                                               |
| Quá trình công tác:                        |                                                                                                |
| • Từ 9/1979 đến 8/1981:                    | Cán bộ kỹ thuật - Xí nghiệp XD số 10 - Công ty XD số 8                                         |
| • Từ 9/1981 đến 5/1983:                    | Bí thư chuyên trách công tác Đoàn thanh niên tại Công ty XD số 14-TCTXD số 1                   |
| • Từ 6/1983 đến 11/1984:                   | Bí thư chuyên trách công tác Đoàn thanh niên tại Xí nghiệp XD Thủy điện Trị An -TCTXD số 1     |
| • Từ 12/1984 đến 2/1986:                   | Phó phòng Phụ trách phòng lao động tiền lương Xí nghiệp xây dựng số 14 - TCTXD số 1.           |
| • Từ 3/1986 đến 2/1990:                    | Được cử đi học chuyên tu tại trường ĐH Kiến trúc TPHCM                                         |
| • Từ 3/1990 đến 10/1994:                   | KSXD - Phụ Trách Kỹ Thuật Tại Xí Nghiệp Thi Công Cơ Giới – Công Ty XD số 14- TCTXD số 1        |
| • Từ 11/1994 đến 4/2000:                   | PGĐ Xí nghiệp XD và TTNT – Công ty XD số 14 – TCTXD số 1 – BXD.                                |
| • Từ 5/2000 đến 6/2001:                    | Q.GĐ Xí nghiệp XD và TTNT – Công ty XD số 14 – TCTXD số 1 – BXD.                               |
| • Từ 12/2001 đến 9/2002:                   | GĐ Xí nghiệp Bê tông – Công ty XD số 14 – TCTXD số 1 – BXD.                                    |
| • Từ 10/2002 đến 1/2005:                   | PGĐ. Công ty Đầu tư và phát triển đô thị - TCTXD số 1                                          |
| • Từ 2/2005 đến 12/2006:                   | PGĐ kiêm GĐ dự án đầu tư tại Cần thơ- Công ty cổ phần phát triển Đô thị Bình Minh - TCTXD số 1 |
| • Từ 1/2007 đến 2010:                      | UV Hội Đồng Quản trị kiêm TGĐ Công ty CP thủy điện Đắkr'tih – TCTXD số 1                       |
| • Từ 7/2010 đến 9/2014:                    | Thành viên Hội đồng Thành viên -TCTXD số 1 TNHH MTV                                            |

- Từ 10/2014 đến 10/2016:
  - Thành viên Hội đồng Thành viên – Tổng Cty Xây dựng số 1 TNHH MTV
  - Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Cty CP Xây dựng Miền Đông
- Từ 11/2016 đến nay:
  - Thành viên HĐQT Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP
  - Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Cty CP Xây dựng Miền Đông

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán trong Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

- Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,005%

- Sở hữu đại diện cho CTCP 12.100.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 11%

Top American Việt Nam:

Sở hữu chứng khoán của người liên quan Không

Các khoản nợ với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

**Ông NGUYỄN ĐỨC DŨNG – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC DŨNG

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/01/1963

Nơi sinh: Tiền Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: 1/6 Trần Văn Kỳ, P14, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Chứng minh thư nhân dân: Số 020749138 ngày 05/06/2015 tại CA TP. HCM

Điện thoại liên hệ: (+84-8) 38 222 059

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi

Chức vụ đang nắm giữ tại CC1: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP xây dựng số Một Việt Nguyên

Quá trình công tác:

- Từ 11/1984 đến 9/1990 Kỹ sư – Cty San nền và Kỹ thuật hạ tầng – Tổng Cty Xây dựng Sài Gòn
- Từ 10/1991 đến 12/1995 Đội trưởng đội thi công – Xí nghiệp Xây dựng số 10 - Cty Xây dựng số 14 - Tổng Cty Xây dựng số 1
- Từ 01/1996 đến 3/1999 Phó Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 10 – Cty Xây dựng số 14 - Tổng Cty Xây dựng số 1
- Từ 4/1999 đến 5/1999 Phó Phòng Kỹ thuật thi công Cty Xây lắp & Trang trí nội thất - Tổng Cty Xây dựng số 1
- Từ 6/1999 đến 12/2000 Trưởng BÐHDA nhiệt điện Phú Mỹ 1 - TCTXD số 1
- Từ 01/2001 đến 02/2002 TP. Kỹ thuật thi công Cty XL& Trang trí nội thất - TCTXD số 1
- Từ 02/2002 đến 5/2002 PGĐ Cty Đầu tư & Xây dựng - TCTXD số 1

- Từ 6/2002 đến 5/2004 Trưởng BÐHDA nhiệt điện Phú Mỹ 2.2 - TCTXD số 1
- Từ 6/2004 đến 3/2005 TGĐ Cty CP Tư vấn thiết kế XD - TCT XD số 1
- Từ 4/2005 đến 5/2005 P.Phòng Kỹ thuật đấu thầu – TCT XD số 1
- Từ 5/2005 đến 10/2006 TP.Kỹ thuật đấu thầu – TCT XD số 1
- Từ 11/2006 đến 3/2014 Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP xây dựng số Một Việt Nguyên
- Từ 04/2015 đến 10/2016: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP xây dựng số Một Việt Nguyên  
Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Xây dựng số 1 – TNHH MTV
- Từ 11/2016 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP xây dựng số Một Việt Nguyên  
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán trong Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

- Sở hữu cá nhân: 5.800 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,005%

- Sở hữu đại diện vốn nhà nước của Bộ Xây dựng 13.200.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 12%

Sở hữu chứng khoán của người liên quan Không

Các khoản nợ với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

**Ông PHAN VĂN VŨ – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên: PHAN VĂN VŨ

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 29/07/1975

Nơi sinh: Quảng Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: Tổ 23B - Phước Mỹ - Sơn Trà - Đà Nẵng - Việt Nam

Chứng minh thư nhân dân: Số 201272342 cấp ngày 02/02/2008 tại CA Đà Nẵng

Điện thoại liên hệ: (+84-8) 38 222 059

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại CC1: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Ban kiểm toán nội bộ

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

- Từ 8/1999 đến 10/2001 Kiểm toán viên nội bộ - Bưu điện Tp. Đà Nẵng

## BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

### TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

---

- Từ 11/2001 đến 12/2002 Kế toán xây dựng cơ bản - Bưu điện Tp. Đà Nẵng
- Từ 01/2003 đến 12/2007 Kế toán Trưởng – Cty Viễn thông, Bưu điện Tp. Đà Nẵng
- Từ 01/2008 đến 12/2008 Chuyên viên tài chính – Cty Tài chính Bưu Điện
- Từ 12/2008 đến 5/2009 PP.KHKD – Chi nhánh Cty phần mềm và Truyền thông VASC tại Tp.HCM
- Từ 6/2009 đến 12/2009 Chuyên viên tài chính – Cty Tài chính Bưu Điện
- Từ 1/2010 đến 3/2010 Trưởng Ban Kế toán – Chi nhánh Cty LD Vận tải hỗn hợp Việt Nhật số 2 tại Tp.HCM
- Từ 3/2010 đến 7/2010 Chuyên viên, Phòng NCPT & Đầu tư - Tổng công ty Xây dựng số 1
- Từ 7/2010 đến 10/2013 Kiểm soát viên -Tổng công ty Xây dựng số 1-TNHH MTV
- Từ 10/2013 đến 06/2014: Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ, Kiểm soát viên kiêm nhiệm - Tổng công ty Xây dựng số 1 –TNHH MTV
- Từ 07/2014 đến 10/2016: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Ban kiểm soát nội bộ Tổng công ty Xây dựng số 1 - TNHH MTV
- Từ 11/2016 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Ban kiểm toán nội bộ Tổng công ty Xây dựng số 1 - CTCP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán trong Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

- Sở hữu cá nhân: 6.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,006%

- Sở hữu đại diện vốn nhà nước của Bộ Xây dựng: 13.200.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 12%

Sở hữu chứng khoán của

người liên quan Không

Các khoản nợ với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

#### **Ông NGUYỄN QUỐC CƯỜNG – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên: NGUYỄN QUỐC CƯỜNG

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 17/01/1977

Nơi sinh: Long An

Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: Nhà Việc, An Lục Long, Châu Thành, Long An

Passport: Số B4567799 cấp 26/11/2010 tại Cục Quản lý Xuất Nhập Cảnh

Điện thoại liên hệ: (+84-8) 38 222 059

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Chức vụ đang nắm giữ tại CC1: Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại các Tổng giám đốc Cty CP Cơ điện lạnh Nam Thịnh

tổ chức khác:

Quá trình công tác:

- Từ 2000 đến 2002: Thành viên Hội Khoa học và Tự động TP.Hồ Chí Minh
- Từ 2002 đến nay: Tổng giám đốc Cty CP Cơ điện lạnh Nam Thịnh
- Từ 11/2016 – nay:
  - Tổng giám đốc Cty CP Cơ điện lạnh Nam Thịnh
  - Thành viên HĐQT Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán trong Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%
- Sở hữu đại diện cho Cty CP 16.500.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 15%

Cơ điện lạnh Nam Thịnh:

Sở hữu chứng khoán của người liên quan Không

Các khoản nợ với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

#### **Ông LÊ THÀNH – Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên: LÊ THÀNH

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/08/1974

Nơi sinh: Quảng Trị

Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: Số 6 Ngõ 580, Đường La Thành, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Chứng minh thư nhân dân: Số 045074000004 cấp ngày 03/09/2015 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Điện thoại liên hệ: (+84-8) 38 222 059

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Chuyên viên phát triển cộng đồng

Chức vụ đang nắm giữ tại CC1: Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Viện trưởng Viện Kinh tế nông nghiệp hữu cơ

Quá trình công tác:

- Từ 1998 đến 2005: Phó Giám đốc Trung tâm Công tác Xã hội Trung ương Đoàn và Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam
- Từ 2005 đến 2010: Giám đốc Trung tâm tư vấn đầu tư – Viện nghiên cứu đào tạo về Quản lý
- Từ 2010 đến 2015: Giám đốc Công ty Xây dựng NSG
- Từ 2015 đến nay: Viện trưởng Viện Kinh tế nông nghiệp hữu cơ
- Từ 11/2016 – nay: Thành viên HĐQT Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

## BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

### TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán trong Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

- Sở hữu cá nhân: 14.076.800 cổ phần chiếm tỷ lệ 12,80%

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%

Sở hữu chứng khoán của người liên quan: Không

Các khoản nợ với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

## 2. Ban kiểm soát

**Bảng 25: Danh sách Ban Kiểm soát**

| TT | Tên                    | Chức vụ        |
|----|------------------------|----------------|
| 1  | Trần Thị Tố Loan       | Trưởng BKS     |
| 2  | Nguyễn Thị Hồng Phương | Thành viên BKS |
| 3  | Trần Thị Tuyết         | Thành viên BKS |

#### **Bà TRẦN THỊ TỐ LOAN – Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên: TRẦN THỊ TỐ LOAN

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 14/07/1965

Nơi sinh: Đồng Tháp

Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: 224/4 Trần Kế Xương - P.7 - Q.Phú Nhuận - Hồ Chí Minh

Chứng minh thư nhân dân: Số 021724633 cấp ngày 01/09/2003 tại CA TP. HCM

Điện thoại liên hệ: (+84-8) 38 222 059

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Tài chính kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại CC1: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

- Từ 01/1986 đến 05/1997: Nhân viên kế toán – Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Quận 3
- Từ 06/1997 đến 06/2002: Nhân viên kế toán – Công ty cổ phần Xây dựng và Kinh doanh vật tư
- Từ 07/2002 đến 08/2003: Kế toán Trưởng – Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng

- Từ 09/2003 đến 06/2007 Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính – Trường Đại học Kiến trúc TP.HCM
  - Từ 07/2007 đến 08/2011 Kế toán trưởng – Văn phòng Dự án Chương trình Quy hoạch Môi trường đô thị Việt Nam
  - Từ 09/2011 đến 10/2016 Tổ trưởng, Kiểm soát viên chuyên trách – Tổng công ty Xây dựng số 1 – TNHH Một thành viên.
  - Từ 11/2016 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán trong Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP
- Sở hữu cá nhân: 5.400 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,005%
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%
- Sở hữu chứng khoán của người liên quan: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

**Bà NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/06/1969
- Nơi sinh: Hậu Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Hộ khẩu thường trú: 549/14/23C Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
- Chứng minh thư nhân dân: Số 022576356 cấp ngày 20/05/2015 tại CA TP. HCM
- Điện thoại liên hệ: (+84-8) 38 222 059
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Tài chính kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại CC1: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
- Từ 06/1989 đến 02/1993: Nhân viên kế toán – Công ty Xe khách liên tỉnh Miền Đông
  - Từ 03/1993 đến 03/1996: Nhân viên kế toán – Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 8
  - Từ 04/1996 đến 12/2001: Kế toán Tổng hợp kiêm Kiểm soát viên – Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8
  - Từ 01/2002 đến 06/2004: Trưởng phòng Kế toán – Ban quản lý các dự án thuộc Công ty Đầu tư và Xây dựng số 8
  - Từ 07/2004 đến 12/2006: Kế toán tổng hợp – Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8
  - Từ 01/2007 đến 07/2008: Kế toán tổng hợp – Tổng công ty Xây dựng số 1.

- Từ 08/2008 đến 11/2009: Kế toán trưởng – Công ty CP Xây dựng số 1 Việt Nguyên.
- Từ 12/2009 đến 07/2010: Kế toán tổng hợp – Tổng công ty Xây dựng số 1 – TNHH một thành viên
- Từ 07/2010 đến 07/2015: Kiểm soát viên – Tổng công ty Xây dựng số 1 – TNHH một thành viên
- Từ 08/2015 đến 10/2016: Kiểm soát viên, Phó Giám đốc Ban Kiểm toán nội bộ - Tổng công ty Xây dựng số 1 – TNHH một thành viên
- Từ 11/2016 đến 03/2017: Kiểm soát viên, Phó Giám đốc Ban Kiểm toán nội bộ - Tổng công ty Xây dựng số 1 – CTCP
- Từ 04/2017 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát – Tổng công ty Xây dựng số 1 - CTCP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán trong Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

- Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,005%

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%

Sở hữu chứng khoán của người liên quan: Không

Các khoản nợ với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

#### **Bà TRẦN THỊ TUYẾT – Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên: TRẦN THỊ TUYẾT

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 06/8/1969

Nơi sinh: TP. HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: 14/30A Nguyễn Văn Lượng, Phường 6, Gò Vấp, Tp HCM

Chứng minh thư nhân dân: Số 023971774 ngày 31/12/2001 tại Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại liên hệ: (+84-8) 38 222 059

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

Chức vụ đang nắm giữ tại CC1: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần TOP AMERICAN VIỆT NAM

Quá trình công tác:

- Từ 1995 đến 1998: Kế toán Trưởng Mầm non TP HCM
- Từ 1998 đến 1999: Kế toán viên Cty DV XL Thủy Sản II – Tổng Cty HS Biển Đông
- Từ 1999 đến 2005: Kế toán viên Cty TNHH Sơn Quân
- Từ 2005 đến 2007: Kế toán viên Khu Đường Sông Tp HCM
- Từ 2007 đến 2016: Kế toán viên Cty TNHH Sơn Quân

## BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

### TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

- Từ 2016 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần TOP AMERICAN VIỆT NAM
  - Từ 11/2016 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán trong Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%
  - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%
- Sở hữu chứng khoán của người liên quan: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

### 3. Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

**Bảng 26: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý**

| TT        | Tên                            | Chức vụ           |
|-----------|--------------------------------|-------------------|
| <b>I</b>  | <b>Ban Tổng Giám đốc (TGD)</b> |                   |
| 1         | Lê Hữu Việt Đức                | Tổng Giám đốc     |
| 2         | Nguyễn Trí Mạnh                | Phó Tổng Giám đốc |
| 3         | Hoàng Trung Thanh              | Phó Tổng Giám đốc |
| 4         | Huỳnh Tấn Trí                  | Phó Tổng Giám đốc |
| 5         | Nguyễn Đức Dũng                | Phó Tổng Giám đốc |
| <b>II</b> | <b>Kế toán trưởng (KTT)</b>    |                   |
| 1         | Huỳnh Anh Dũng                 | Kế toán trưởng    |

#### **Ông LÊ HỮU VIỆT ĐỨC – Tổng Giám đốc**

Như trên

#### **Ông NGUYỄN TRÍ MẠNH – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: NGUYỄN TRÍ MẠNH

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 26/09/1962

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

Nơi sinh: Quảng Bình  
Quốc tịch: Việt Nam  
Hộ khẩu thường trú: 289B5 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, TP. HCM  
Chứng minh thư nhân dân: Số 024120498 cấp ngày 25/03/2003 tại CA TP. HCM  
Điện thoại liên hệ: (+84-8) 38 222 059  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính  
Chức vụ đang nắm giữ tại CC1: Phó Tổng Giám đốc  
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không  
Quá trình công tác:  

- Từ 12/1981 đến 12/1986 Nhân viên P.Kế toán NM gỗ lạng xuất khẩu BMT-Đắk Lắk
- Từ 01/1987 đến 6/1989 Nhân viên kế toán P. kế toán - XN liên doanh khai thác đá Soklu – Tổng Cty Xây dựng số 1
- Từ 7/1989 đến 01/1993 Nhân viên kế toán – Phòng Tài chính kế toán - Tổng Cty Xây dựng số 1
- Từ 02/1993 đến 6/1997 Phó Phòng Tài chính kế toán - Phụ trách kế toán Cty Tư vấn & Thiết kế xây dựng - Tổng Cty Xây dựng số 1
- Từ 7/1997 đến 5/2000 TP. Kế toán - Cty Xây dựng & KD vật tư - Tổng Cty Xây dựng số 1
- Từ 6/2000 đến 03/2003 Kế toán trưởng - Cty Xây dựng & KD vật tư - Tổng Cty Xây dựng số 1
- Từ 4/2004 đến 8/2005 PTGD - Cty CP Xây dựng & KD Vật tư - Tổng Cty Xây dựng số 1
- Từ 9/2005 đến 8/2009 Kế toán trưởng - Tổng Cty Xây dựng số 1 – TNHH MTV
- Từ 2009 đến 10/2016: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – TNHH MTV
- Từ 11/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Sở hữu chứng khoán trong Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP  
- Sở hữu cá nhân: 4.400 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,004%  
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%  
Sở hữu chứng khoán của người liên quan

| STT | Họ và tên       | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu CC1 đang nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|-----------------|-------------|------------------------------------|---------------|
| 1   | Nguyễn Trí Minh | Anh         | 800                                | 0,0007%       |

Các khoản nợ với Công ty: Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT****TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP****Ông HOÀNG TRUNG THANH – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: HOÀNG TRUNG THANH

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 09/06/1971

Nơi sinh: Quảng Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: 80/10B Hoàng Diệu II, kp 5, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, TP. HCM

Passport: Số B0150848 ngày 27/08/2015 tại Cục Quản lý Xuất nhập cảnh

Điện thoại liên hệ: (+84-8) 38 222 059

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Chức vụ đang nắm giữ tại CC1: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

- Từ 9/1996 đến 3/2002: Kỹ sư – Phòng Kỹ thuật thi công - Tổng Công ty xây dựng số 1
- Từ 04/2002 đến 7/2002: Kỹ sư – Phòng Kỹ thuật đấu thầu - Tổng Công ty xây dựng số 1
- Từ 8/2002 đến 9/2003: Kỹ sư – BÐHDA Khí điện đạm Cà Mau - Tổng Công ty xây dựng số 1
- Từ 10/2003 đến 2/2004: PGĐ. BÐHDA Khí điện đạm Cà Mau - Tổng Công ty xây dựng số 1
- Từ 3/2004 đến 2/2005: PGĐ, PT.BÐHDA Khí điện đạm Cà Mau - Tổng Công ty xây dựng số 1
- Từ 3/2005 đến 12/2007: PGĐ. BÐHDA Cầu Thủ thiêm - Tổng Công ty xây dựng số 1
- Từ 1/2008 đến 3/2008: Phó phòng Quản lý dự án 2 - Tổng Công ty xây dựng số 1
- Từ 4/2008 đến 5/2010: Trưởng phòng Quản lý dự án 2 - Tổng Công ty xây dựng số 1
- Từ 6/2010 đến 10/2016: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – TNHH MTV
- Từ 11/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán trong Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

- Sở hữu cá nhân: 6.800 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,006%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%

Sở hữu chứng khoán của người liên quan

| STT | Họ và tên      | Mối quan hệ | Số lượng cổ phiếu CC1 đang nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|----------------|-------------|------------------------------------|---------------|
| 1   | Hoàng Thị Loan | Vợ          | 3.200                              | 0,01%         |

Các khoản nợ với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

**Ông HUỖNH TẤN TRÍ – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: HUỖNH TẤN TRÍ

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 30/11/1964

Nơi sinh: Vĩnh Long

Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: 25/6 Trần Nảo, phường Bình An, quận 2, TP. HCM

Chứng minh thư nhân dân: Số 021180569 cấp ngày 19/05/2010 tại CA TP. HCM

Điện thoại liên hệ: (+84-8) 38 222 059

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Chức vụ đang nắm giữ tại CC1: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Cty Bê Tông Biên Hòa,  
Chủ tịch HĐQT Cty Bê Tông Vina PSMC

Quá trình công tác:

- Từ 1984 đến 1985: Công nhân vận hành máy nghiền Xi măng - Công ty Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 1986 đến 1987: Nhân viên Phòng Tổ chức hành chính - Xí nghiệp vận tải, Công ty Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 1988 đến 1993: Nhân viên phụ trách kế hoạch - Xí nghiệp vận tải, Công ty Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 1994 đến 1995: Nhân viên an toàn lao động - Công ty Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 1996 đến 1997: Đội phó Đội vệ sinh công nghiệp môi trường - Công ty Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 1998 đến 1999: Tổ trưởng tổ sản xuất - Đội sửa chữa công trình, Công ty Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 2000 đến 2001: Đốc công phụ trách Phân xưởng sản xuất sản phẩm mới - Công ty Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 2002 đến 2003: Chuyên viên Phòng Quản lý dự án - Công ty Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 2004 đến 2006: Chuyên viên Tổng hợp - Ban quản lý dự án Xi măng Hà Tiên 1, Công ty Xi măng Hà Tiên 1
- Từ 6/2006 đến 8/2006: Chuyên viên Phòng Quản lý dự án 2 - Tổng công ty Xây dựng số 1
- Từ 9/2006 đến 06/2007: Phó Phòng quản lý dự án 2 - Tổng công ty Xây dựng số 1
- Từ 7/2007 đến 03/2008: Trưởng Phòng quản lý dự án 2 - Tổng công ty Xây dựng số 1
- Từ 04/2008 đến 6/2009: Tổng Giám đốc công ty cổ phần Đầu tư xây dựng cầu Đồng Nai
- Từ 7/2009 đến 1/2011: Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng cầu Đồng

- |                          |                                                                                                                                   |
|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                          | Nai và Giám đốc Ban quản lý, điều hành các dự án Phương Bắc                                                                       |
| • Từ 02/2011 đến 10/2016 | Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty xây dựng số 1- TNHH Một thành viên                                                               |
| • Từ 8/2014 đến 10/2016  | Phó Tổng Giám đốc – Tổng Công ty xây dựng số 1-TNHH Một thành viên, kiêm Chủ tịch HĐQT Cty Bê Tông Biên Hòa                       |
| • Từ 11/2016 đến nay:    | Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP<br>Chủ tịch HĐQT Cty Bê Tông Biên Hòa,<br>Chủ tịch HĐQT Cty Bê Tông Vina PSMC |

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán trong Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

- Sở hữu cá nhân: 7.600 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,007%

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%

Sở hữu chứng khoán của người liên quan Không

Các khoản nợ với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

#### **Ông NGUYỄN ĐỨC DŨNG – Phó Tổng Giám đốc**

Như trên

#### **Ông HUỖNH ANH DŨNG – Kế toán trưởng**

Họ và tên: HUỖNH ANH DŨNG

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/08/1959

Nơi sinh: Tiền Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Hộ khẩu thường trú: 79/5 D2 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Chứng minh thư nhân dân: Số 020604049 cấp ngày 03/04/2015 tại CA TP. HCM

Điện thoại liên hệ: (+84-8) 38 222 059

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại CC1: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế Toán

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

- Từ 08/1981 đến 9/1986 Cán bộ Kế toán Xí nghiệp Lắp máy - Tổng công ty Xây dựng số 1

- Từ 10/1986 đến 2/1988 Phó Phòng Tài chính Kế toán công ty Xây lắp - Tổng công ty Xây dựng số 1
- Từ 3/1988 đến 6/1990 Quyền Trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công ty Xây lắp - Tổng công ty Xây dựng số 1
- Từ 7/1990 đến 2/1998 Kế toán Trưởng Công ty Xây lắp - Tổng công ty Xây dựng số 1
- Từ 03/1998 đến 6/1999 Trưởng Phòng tài chính Kế toán Công ty Xây lắp - Tổng công ty Xây dựng số 1
- Từ 7/1999 đến 11/2000 Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán - Tổng công ty Xây dựng số 1
- Từ 12/2000 đến 9/2009 Phó Phòng Tài chính Kế Toán - Tổng công ty Xây dựng số 1 TNHH MTV
- Từ 10/2009 đến 6/2011: Trưởng Phòng Tài chính Kế Toán, Tổng công ty Xây dựng số 1 – TNHH MTV
- Từ 07/2011 đến 10/2016: Kế Toán Trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế Toán Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – TNHH MTV
- Từ 11/2016 đến nay: Kế Toán Trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế Toán, Tổng công ty Xây dựng số 1 CTCP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán trong Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP

- Sở hữu cá nhân: 5.300 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,005%

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%

Sở hữu chứng khoán của người liên quan Không

Các khoản nợ với Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

#### **4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Số 1 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 10/10/2016. Công ty nhận thấy tầm quan trọng của Quản trị Công ty là yếu tố quan trọng trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là giúp Công ty dễ dàng tiếp cận với các nguồn vốn đầu tư lâu dài, nâng cao lòng tin của nhà đầu tư, giảm chi phí vốn. Hội đồng Quản trị Công ty sẽ triển khai kế hoạch nâng cao chất lượng Quản trị Công ty nhằm hướng tới một mô hình quản trị hiệu quả và minh bạch, như sau:

- Xây dựng và áp dụng Quy chế Quản trị trong toàn bộ Công ty;
- Nâng cao chức năng giám sát quản lý, kiểm soát môi trường kiểm soát nội bộ bao gồm cả kiểm toán và quản trị rủi ro;
- Đánh giá liên tục cơ cấu nội bộ để đảm bảo phân định phạm vi trách nhiệm rõ ràng cho

công tác quản lý trong công ty và thực hiện các thay đổi khi cần thiết;

- Bổ sung nhân sự có chuyên môn vững chắc về Luật và các quy định về quản trị Công ty nhằm hỗ trợ mạnh mẽ trong hoạt động Quản trị Công ty cũng như cải thiện chức năng Quan hệ với Nhà đầu tư;
- Nỗ lực cải thiện các kênh cung cấp thông tin, đảm bảo việc tiếp cận thông tin về Công ty của mọi đối tượng được thuận tiện, hướng tới việc minh bạch hóa thông tin đáp ứng yêu cầu của pháp luật và nhu cầu của cổ đông.

#### **IV. PHỤ LỤC**

**Phụ lục 1:** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

**Phụ lục 2:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 (Riêng và Hợp nhất);

**Phụ lục 3:** Báo cáo tài chính kiểm toán giai đoạn từ 01/11/2016-31/12/2016 (Riêng và Hợp nhất).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2017

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LÊ HỮU VIỆT ĐỨC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

**ĐẠI DIỆN CHO TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH PHÍA NAM-KHOÍ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ**



**NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG**

